

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
2	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
3	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
4	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
5	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
6	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
7	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
8	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
9	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
10	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
11	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
12	Bùi Thị	Nương	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
13	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
14	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
15	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
16	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
17	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
18	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
19	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
20	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75
21	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75
22	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
23	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75
24	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
25	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
26	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
27	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
28	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
29	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
31	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
32	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
33	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
34	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
35	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
36	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
37	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
38	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
39	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
40	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
41	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
42	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25
43	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
44	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25
45	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
46	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
47	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00
48	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
49	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
50	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
51	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
52	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00
53	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
54	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
55	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
56	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
57	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
58	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
60	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
61	Vừ A	Dia	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
62	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
63	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00
64	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
65	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00
66	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
67	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75
68	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
69	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
70	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
71	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
72	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
73	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
74	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
75	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
76	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
77	Triệu Thị	Lấy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
78	Lò Văn	Duyện	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
79	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
80	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
81	Vũ Thị	Ngân	HDT017718	1	24.25	3.5	27.75
82	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
83	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
84	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
85	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
86	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50
87	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50
89	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
90	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
91	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
92	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
93	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
94	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
95	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
96	Lường Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
97	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
98	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50
99	Lê Phương	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
100	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
101	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
102	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
103	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
104	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
105	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
106	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
107	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
108	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
109	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
110	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50
111	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50
112	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50
113	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
114	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
115	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25
116	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
118	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	2	25.75	1.5	27.25
119	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	2	25.75	1.5	27.25
120	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
121	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
122	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
123	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
124	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
125	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
126	Phùng Thị Kiều	Trinh	HDT027446	2	25.75	1.5	27.25
127	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
128	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
129	Bùi Thị	Quỳnh	LNH007700	2	23.75	3.5	27.25
130	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
131	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
132	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
133	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
134	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25
135	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
136	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
137	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25
138	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25
139	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
140	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
141	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
142	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
143	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
144	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
145	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
147	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00
148	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
149	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
150	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
151	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
152	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
153	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	2	25.50	1.5	27.00
154	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00
155	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
156	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
157	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
158	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
159	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
160	Vũ Thị	Thành	BKA011812	2	26.00	1.0	27.00
161	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00
162	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
163	Triệu Văn	Tuyền	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
164	Hà Thị	Phương	LNH007300	2	23.50	3.5	27.00
165	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
166	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
167	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
168	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
169	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
170	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
171	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
172	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
173	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
174	Trần Thu	Ngân	THV009292	2	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
176	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
177	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
178	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
179	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
180	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
181	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
182	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
183	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
184	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
185	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
186	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
187	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00
188	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
189	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
190	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00
191	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
192	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
193	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
194	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
195	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
196	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
197	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
198	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
199	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
200	Lèng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75
201	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
202	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75
203	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	2	26.25	0.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
205	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
206	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75
207	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
208	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	2	25.75	1.0	26.75
209	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
210	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75
211	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	2	25.75	1.0	26.75
212	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
213	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
214	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
215	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
216	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	2	25.75	1.0	26.75
217	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
218	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
219	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
220	Lê Thị Kim	Anh	HDT000628	2	25.25	1.5	26.75
221	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
222	Nguyễn Thị Lan	Phương	TQU004348	2	25.25	1.5	26.75
223	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
224	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
225	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	2	25.25	1.5	26.75
226	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75
227	Vũ Thủy	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
228	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
229	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
230	Phạm Việt	Trình	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
231	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
232	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
234	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
235	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
236	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75
237	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
238	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
239	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
240	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
241	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
242	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
243	Đặng Thị Minh	Ngọc	THP010306	2	26.00	0.5	26.50
244	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
245	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
246	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50
247	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50
248	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
249	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
250	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
251	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
252	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
253	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
254	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
255	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
256	Đàm Thị	Trang	TND026077	2	23.00	3.5	26.50
257	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
258	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
259	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
260	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
261	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	2	24.50	2.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
263	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
264	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
265	Lò Thị	Tiêm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
266	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
267	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50
268	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	2	25.00	1.5	26.50
269	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
270	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
271	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	2	26.00	0.5	26.50
272	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
273	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50
274	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
275	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	2	25.50	1.0	26.50
276	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
277	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	2	25.50	1.0	26.50
278	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
279	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
280	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
281	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
282	Lã Văn	Băng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
283	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
284	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50
285	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
286	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
287	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
288	Lương Thảo	Phượng	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
289	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
290	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
292	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
293	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
294	Đàm Thị	Kiều	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
295	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
296	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
297	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50
298	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
299	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
300	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
301	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
302	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50
303	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
304	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
305	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
306	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
307	Đình Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
308	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
309	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
310	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25
311	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
312	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
313	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
314	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
315	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25
316	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
317	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
318	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	2	25.75	0.5	26.25
319	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Đồng Mai	Phương	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
321	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
322	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	2	25.75	0.5	26.25
323	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
324	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	2	26.25		26.25
325	Nguyễn Thị	Tĩnh	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
326	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
327	Phạm Văn	Thảo	TND023293	2	24.75	1.5	26.25
328	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25
329	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
330	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
331	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
332	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25
333	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
334	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
335	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
336	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
337	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
338	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
339	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
340	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
341	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25
342	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
343	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
344	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	2	25.75	0.5	26.25
345	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
346	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	2	24.75	1.5	26.25
347	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25
348	Nguyễn Khánh	Huyền	THV005811	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	2	25.75	0.5	26.25
350	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
351	Vi Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
352	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
353	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
354	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
355	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
356	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
357	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
358	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
359	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
360	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
361	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
362	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
363	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
364	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
365	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
366	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
367	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
368	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
369	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25
370	Bùi Thị	Phượng	TND019724	1	22.75	3.5	26.25
371	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25
372	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
373	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
374	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
375	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25
376	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
377	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
379	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
380	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
381	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00
382	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
383	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
384	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
385	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
386	Đào Thị	Yến	KQH016529	2	25.00	1.0	26.00
387	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00
388	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
389	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
390	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
391	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
392	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
393	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
394	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
395	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
396	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
397	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
398	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00
399	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
400	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
401	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	2	25.50	0.5	26.00
402	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
403	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
404	Phạm Thị Diệu	Hằng	BKA004295	2	25.50	0.5	26.00
405	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	2	24.50	1.5	26.00
406	Đỗ Thị	Luyến	YTB013634	2	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 15

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
408	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
409	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00
410	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00
411	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	2	24.50	1.5	26.00
412	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
413	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003878	2	22.50	3.5	26.00
414	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
415	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
416	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
417	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00
418	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
419	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	2	25.50	0.5	26.00
420	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
421	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
422	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
423	Đặng Thị	Thành	TDV027630	2	24.50	1.5	26.00
424	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
425	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	2	22.50	3.5	26.00
426	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
427	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
428	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	2	25.00	1.0	26.00
429	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
430	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
431	Mạc Thị	Hiển	TND008102	1	22.50	3.5	26.00
432	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
433	Vũ Thị	Phương	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
434	Lường Mai	Chinh	TTB000619	1	22.50	3.5	26.00
435	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 16

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
437	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
438	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
439	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
440	Triệu Thị Khánh	Hòa	TND009021	1	22.50	3.5	26.00
441	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
442	Hoàng Thị	Hường	TND012138	1	22.50	3.5	26.00
443	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
444	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
445	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	1	24.50	1.5	26.00
446	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
447	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
448	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00
449	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00
450	Đặng Thị	Linh	TDV016336	1	25.00	1.0	26.00
451	Hồ Ngọc Bích	Phương	HHA011075	1	24.50	1.5	26.00
452	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
453	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
454	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
455	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
456	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00
457	Tòng Thị	Thu	THV012859	1	22.50	3.5	26.00
458	Trần Lan	Hương	YTB010877	1	25.50	0.5	26.00
459	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
460	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
461	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
462	Trần Thị	Giang	TDV007480	2	25.25	0.5	25.75
463	Lê Thị	Nhung	HDT018789	2	24.75	1.0	25.75
464	Nguyễn Văn	Khảm	HDT012615	2	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Việt	Hà	SPH004974	2	24.25	1.5	25.75
466	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	2	24.75	1.0	25.75
467	Trần Thị Trà	My	LNH006246	2	24.25	1.5	25.75
468	Lương Đình	Hùng	TND010463	2	22.25	3.5	25.75
469	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
470	Hà Thị	Linh	TDV016421	2	24.25	1.5	25.75
471	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	2	24.25	1.5	25.75
472	Tống Thị	Duyên	TND004393	2	24.25	1.5	25.75
473	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
474	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
475	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	2	24.75	1.0	25.75
476	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
477	Lê Thị	Huệ	HDT010504	2	24.25	1.5	25.75
478	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	2	22.25	3.5	25.75
479	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	2	25.25	0.5	25.75
480	Ngô Thị	Hiếu	TDV010472	2	24.75	1.0	25.75
481	Nguyễn Thị Việt	Nga	TDV020569	2	24.25	1.5	25.75
482	Phạm Thị Huyền	Trang	THV013954	2	24.25	1.5	25.75
483	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
484	Phạm Mai	Linh	THP008476	2	25.25	0.5	25.75
485	Nguyễn Hồng	Phi	TND019475	2	24.75	1.0	25.75
486	Ngụy Thị	Hằng	TND007461	2	24.25	1.5	25.75
487	Nguyễn Thị	Thúy	TDV030670	2	24.25	1.5	25.75
488	Nguyễn Thị Việt	Anh	TDV001124	2	25.25	0.5	25.75
489	Trương Thị	Dịu	HHA002071	2	24.25	1.5	25.75
490	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	2	22.25	3.5	25.75
491	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
492	Hà Thu	Trang	THV013701	2	24.25	1.5	25.75
493	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	2	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	2	25.25	0.5	25.75
495	Nguyễn Phan	Hưng	TDV014128	2	25.25	0.5	25.75
496	Hoàng Thị	Phương	SPH013614	2	25.25	0.5	25.75
497	Phạm Thị Minh	Phương	THV010544	2	24.25	1.5	25.75
498	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	2	24.25	1.5	25.75
499	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
500	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	2	25.25	0.5	25.75
501	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	2	25.25	0.5	25.75
502	Hoàng Thị Thanh	Tâm	DCN009830	2	22.25	3.5	25.75
503	Phạm Thùy	Linh	TND014702	2	25.25	0.5	25.75
504	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	2	24.25	1.5	25.75
505	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75
506	Chu Minh	Trang	DCN011617	2	25.25	0.5	25.75
507	Đỗ Thị Hương	Trà	TND025937	2	22.25	3.5	25.75
508	Kiều Thị Thúy	Dung	KQH002034	2	25.25	0.5	25.75
509	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	2	24.25	1.5	25.75
510	Võ Thị	Thúy	TDV030786	2	25.25	0.5	25.75
511	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
512	Hoàng Thị Thanh	Mai	TND015935	2	24.25	1.5	25.75
513	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
514	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
515	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
516	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
517	Đình Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75
518	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	2	25.25	0.5	25.75
519	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
520	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
521	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
522	Tạ Thị	Quỳnh	SPH014577	2	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 19

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
524	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	1	25.25	0.5	25.75
525	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
526	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
527	Hoàng Thị	Hiếu	TND008338	1	22.25	3.5	25.75
528	Vi Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
529	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	1	24.25	1.5	25.75
530	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75
531	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
532	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	1	22.25	3.5	25.75
533	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
534	Trần Thị Nguyệt	Hà	TDV008058	1	24.75	1.0	25.75
535	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
536	Nguyễn Thị	ánh	KQH000848	1	24.75	1.0	25.75
537	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
538	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
539	Nguyễn Thị	Trang	TQU005859	1	24.25	1.5	25.75
540	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
541	Ngà Thị	Nhung	THV009901	1	22.25	3.5	25.75
542	Phạm Thị Bích	Ngọc	KQH009971	1	23.75	2.0	25.75
543	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
544	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75
545	Tạ Đức	Hiếu	HDT009046	1	25.25	0.5	25.75
546	Đào Thị Hồng	Nhung	HDT018664	1	25.25	0.5	25.75
547	Nguyễn Thị	Khuyên	TDV015168	1	24.25	1.5	25.75
548	Hoàng Thu	Diệu	TND003526	1	22.25	3.5	25.75
549	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	1	25.25	0.5	25.75
550	Hà Thị	Dung	TND003674	1	22.25	3.5	25.75
551	Dương Hà	Linh	SPH009409	1	25.25	0.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
553	Lê Thị	Hạnh	HDT007508	1	24.75	1.0	25.75
554	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75
555	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
556	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
557	Hà Hoàng	Mai	TND015906	1	22.25	3.5	25.75
558	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75
559	Hà Quốc	Chuyên	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
560	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
561	Triệu Việt	Chinh	THV001425	1	24.25	1.5	25.75
562	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	SPH012589	4	25.00	0.5	25.50
563	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
564	Nhữ Thị Bích	Ngọc	HDT018096	2	24.00	1.5	25.50
565	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
566	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
567	Đoàn Thị Duyên	Yến	HDT030320	2	24.00	1.5	25.50
568	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
569	Dương Thu	Thảo	TTB005843	2	24.00	1.5	25.50
570	Trần Thị Thu	Hiền	HDT008644	2	24.00	1.5	25.50
571	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
572	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	2	24.00	1.5	25.50
573	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	2	24.50	1.0	25.50
574	Bùi Thị	Thảo	DCN010163	2	22.00	3.5	25.50
575	Nguyễn Thị Thu	Hường	THP007284	2	25.00	0.5	25.50
576	Phạm Thị	Hương	TDV014479	2	25.00	0.5	25.50
577	Cao Xuân	Hiền	THV004247	2	22.00	3.5	25.50
578	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	2	25.00	0.5	25.50
579	Đặng Thị Tuyết	Mai	SPH010953	2	24.50	1.0	25.50
580	Lê Thị	Khuyên	HDT012824	2	24.50	1.0	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Lê Thị Lan	Anh	HDT000630	2	24.50	1.0	25.50
582	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013527	2	24.50	1.0	25.50
583	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
584	Lê Thị	Như	TDV022628	2	24.00	1.5	25.50
585	Trần Thị Thanh	Ngân	HDT017697	2	24.50	1.0	25.50
586	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
587	Từ Thị	Lý	TDV018537	2	24.00	1.5	25.50
588	Đặng Thị	Hiếu	HVN003641	2	24.50	1.0	25.50
589	Lê Thị	ánh	TDV001723	2	24.00	1.5	25.50
590	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
591	Phượng Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
592	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	2	24.00	1.5	25.50
593	Hoàng Hải	Ngân	YTB015364	2	24.00	1.5	25.50
594	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50
595	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
596	Lê Thị	Dung	HDT003861	2	24.50	1.0	25.50
597	Trần Thị Lan	Hương	THV006324	2	24.00	1.5	25.50
598	Vì Thị Thu	Trang	DCN012027	2	22.00	3.5	25.50
599	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	2	22.00	3.5	25.50
600	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
601	Nguyễn Minh	Huế	SPH007105	2	24.50	1.0	25.50
602	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	2	25.00	0.5	25.50
603	Quách Thị Hương	Quỳnh	LNH007774	2	22.00	3.5	25.50
604	Trịnh Thùy	Dung	THV002131	2	24.00	1.5	25.50
605	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
606	Vũ Thị	Trà	TND025993	2	24.00	1.5	25.50
607	Nguyễn Thị Kiều	Trang	THP015172	2	25.00	0.5	25.50
608	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	2	23.00	2.5	25.50
609	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	2	25.00	0.5	25.50
611	Lê Thị	Kiều	DHU010029	2	25.00	0.5	25.50
612	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
613	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	2	22.00	3.5	25.50
614	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	2	25.00	0.5	25.50
615	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
616	Hoàng Văn	Ngọc	TQU003907	2	22.00	3.5	25.50
617	Lê Thị	Trang	HDT026600	2	22.00	3.5	25.50
618	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	2	25.00	0.5	25.50
619	Trương Mỹ	Hoa	DCN004139	2	25.00	0.5	25.50
620	Lê Thị	Xoan	TDV036623	2	24.00	1.5	25.50
621	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50
622	Vũ Thị Hồng	Ngát	BKA009239	2	24.50	1.0	25.50
623	Đào Khánh	Dương	TTB001330	2	24.00	1.5	25.50
624	Nguyễn Thảo	Mai	THV008445	2	22.00	3.5	25.50
625	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
626	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
627	Nguyễn Phương	Thảo	THV012229	2	25.00	0.5	25.50
628	Trịnh Thùy	Linh	DCN006627	2	24.50	1.0	25.50
629	Lương Ngọc	Anh	THV000308	2	24.00	1.5	25.50
630	Đặng Thị Quỳnh	Anh	LNH000171	2	24.00	1.5	25.50
631	Trần Thị Phương	Thảo	YTB019962	1	24.50	1.0	25.50
632	Lưu Thị	Phương	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
633	Ngô Thị Lan	Nhi	HVN007734	1	24.50	1.0	25.50
634	Đỗ Mai	Hương	KQH006575	1	25.00	0.5	25.50
635	Nguyễn Lê Quỳnh	Anh	TND000657	1	24.00	1.5	25.50
636	Nông Thị	Yến	TND030117	1	22.00	3.5	25.50
637	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
638	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	1	25.00	0.5	25.50
640	Doãn Thị Ngọc	ánh	SPH001707	1	25.00	0.5	25.50
641	Ngô Thị	Kiều	YTB011669	1	24.50	1.0	25.50
642	Nguyễn Thị	Nga	DCN007834	1	25.00	0.5	25.50
643	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	1	25.00	0.5	25.50
644	Lê Thị Khánh	Linh	TLA007808	1	25.00	0.5	25.50
645	Đồng Văn	Minh	THP009506	1	23.50	2.0	25.50
646	Lý Thúy	Mai	TND015966	1	22.00	3.5	25.50
647	Đoàn Thị Thùy	Dương	DHU003399	1	25.00	0.5	25.50
648	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
649	Đỗ Thị	Thu	LNH008997	1	25.00	0.5	25.50
650	Lê Hoàng	Anh	TDV000565	1	24.50	1.0	25.50
651	Hoàng Kim	Dung	TND003678	1	22.00	3.5	25.50
652	Nguyễn Thị	Thu	TND024397	1	22.00	3.5	25.50
653	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	THV005855	1	25.00	0.5	25.50
654	Trịnh Hồng	Trang	HHA014839	1	22.00	3.5	25.50
655	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
656	Vũ Thị Kim	Oanh	THP011225	1	25.00	0.5	25.50
657	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	1	24.00	1.5	25.50
658	Hoàng Thị	Oanh	TND019305	1	22.00	3.5	25.50
659	Lưu Thị	Thơ	TND024198	1	22.00	3.5	25.50
660	Trần Thị	Thương	TDV031227	1	24.00	1.5	25.50
661	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	YTB018085	1	24.50	1.0	25.50
662	Nguyễn Hà	Phương	THV010472	1	24.00	1.5	25.50
663	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
664	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50
665	Nguyễn Thị	Hạnh	HVN003027	1	25.00	0.5	25.50
666	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	1	22.00	3.5	25.50
667	Tạ Vũ Thu	Uyên	TTN022480	1	24.00	1.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
669	Lò Văn	Nam	TTB004143	1	22.00	3.5	25.50
670	Trần Thị Khánh	Hà	THV003625	1	24.00	1.5	25.50
671	Vàng Đức	Lương	THV008222	1	22.00	3.5	25.50
672	Sin Thị	Như	THV010003	1	22.00	3.5	25.50
673	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50
674	Lý Thị	Nường	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
675	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
676	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
677	Hà Thị	Sinh	THV011337	1	22.00	3.5	25.50
678	Trần Ngọc	Anh	TND001076	1	24.00	1.5	25.50
679	Lương Hoài	Thu	THV012812	1	23.00	2.5	25.50
680	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
681	Hoàng Thị	Liên	TND013846	2	21.75	3.5	25.25
682	Ngô Thị	Đào	HDT005142	2	24.25	1.0	25.25
683	Phạm Thị Thu	Huyền	THV005915	2	23.75	1.5	25.25
684	Lê Thị Hoài	Thương	TDV030972	2	24.25	1.0	25.25
685	Hoàng Văn	Mạc	TND015841	2	21.75	3.5	25.25
686	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	2	21.75	3.5	25.25
687	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
688	Vũ Huy	Hoài	TND009220	2	23.75	1.5	25.25
689	Hà Kiều	Anh	THV000166	2	21.75	3.5	25.25
690	Nguyễn Thị	Thảo	THP013390	2	24.25	1.0	25.25
691	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	2	23.75	1.5	25.25
692	Đặng Thị Thùy	Linh	BKA007396	2	24.25	1.0	25.25
693	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25
694	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	LNH006798	2	24.75	0.5	25.25
695	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	THV013348	2	21.75	3.5	25.25
696	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
698	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
699	Dương Thái	Ni	TDV022712	2	24.75	0.5	25.25
700	Nông Minh	Trang	TND026618	2	21.75	3.5	25.25
701	Lê Thị Mỹ	Hạnh	HDT007525	2	23.75	1.5	25.25
702	Nguyễn Thị Kiều	Trang	KQH014568	2	24.75	0.5	25.25
703	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	2	21.75	3.5	25.25
704	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
705	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	2	24.75	0.5	25.25
706	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
707	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	2	24.25	1.0	25.25
708	Hoàng Thị Phượng	Uyên	DCN012920	2	21.75	3.5	25.25
709	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
710	Phạm Thị Thân	Thương	SPH016909	2	24.75	0.5	25.25
711	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
712	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25
713	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	TDV025559	2	24.75	0.5	25.25
714	Nguyễn Thị	Thêm	SPH016048	2	24.75	0.5	25.25
715	Nguyễn Khánh	Huyền	THV005809	2	23.75	1.5	25.25
716	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
717	Trần Thị	Nhung	TDV022558	2	23.75	1.5	25.25
718	Nông Thị Hương	Thảo	TQU005121	2	21.75	3.5	25.25
719	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	2	24.25	1.0	25.25
720	Lê Thị Kiều	Nhi	TDV022144	2	21.75	3.5	25.25
721	Phạm Thị Thu	Hằng	YTB007113	2	24.75	0.5	25.25
722	Lò Văn	Thương	THV013337	2	21.75	3.5	25.25
723	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	2	24.75	0.5	25.25
724	Lô Thị	Hoa	TND008738	2	21.75	3.5	25.25
725	Nguyễn Thảo	Phượng	THV010522	2	23.75	1.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Dương Thị	Thương	TLA013548	2	24.25	1.0	25.25
727	Đỗ Thị Khánh	Linh	KQH007726	2	24.75	0.5	25.25
728	Trần Thị Hồng	Thắm	TDV028646	2	22.75	2.5	25.25
729	Trần Thị Thảo	Vy	HHA016431	2	23.75	1.5	25.25
730	Nguyễn Thị Thanh	Thương	HHA014060	2	24.25	1.0	25.25
731	Đinh Thị	Hảo	TND007146	2	21.75	3.5	25.25
732	Nguyễn Thị Phương	Thảo	HDT023274	2	23.75	1.5	25.25
733	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
734	Lê Thị	Thùy	SPH016490	2	24.75	0.5	25.25
735	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
736	Nguyễn Thị Hải	Nhi	TDV022167	2	24.25	1.0	25.25
737	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
738	Hoàng Thị Tâm	Anh	TDV000510	2	24.75	0.5	25.25
739	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25
740	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	2	21.75	3.5	25.25
741	Võ Thị	Hà	TDV008106	2	23.75	1.5	25.25
742	Vũ Thị	Anh	THP000937	2	24.75	0.5	25.25
743	Cao Thị	Xuyến	TND029846	2	21.75	3.5	25.25
744	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	2	23.75	1.5	25.25
745	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
746	Lê Thị Hương	Giang	KQH003353	1	24.75	0.5	25.25
747	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
748	Phạm Thị Mỹ	Linh	DCN006549	1	21.75	3.5	25.25
749	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
750	Hoàng Thị	ánh	TQU000266	1	21.75	3.5	25.25
751	Hoàng Thị Châu	Loan	YTB013257	1	24.25	1.0	25.25
752	Cứ A	Chớ	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
753	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
754	Nguyễn Minh	Thương	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Phùng Thị Thuỳ	Linh	THV007724	1	23.75	1.5	25.25
756	Phan Thị	Thơm	TDV029728	1	23.75	1.5	25.25
757	Lê Thị Ngọc	Dung	HDT003878	1	24.75	0.5	25.25
758	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25
759	Đoạn Thị Kiều	Diễm	DHU002615	1	23.75	1.5	25.25
760	Hà Thị Hồng	Minh	THV008686	1	21.75	3.5	25.25
761	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
762	Đinh Thị Vân	Trang	TND026098	1	24.75	0.5	25.25
763	Trịnh Thị Nguyên	Hạnh	THV003932	1	23.75	1.5	25.25
764	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
765	Doãn Hải	Châu	SPH002225	1	24.25	1.0	25.25
766	Nguyễn Phương	Thảo	THP013353	1	24.75	0.5	25.25
767	Bùi Thị Thanh	Hòa	LNH003494	1	21.75	3.5	25.25
768	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
769	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
770	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
771	Nguyễn Bá Minh	Tú	THV014386	1	23.75	1.5	25.25
772	Nguyễn Thị	Quyên	HDT020811	1	24.25	1.0	25.25
773	Nguyễn Thị	Trang	DCN011908	1	24.75	0.5	25.25
774	Đinh Thị	Vân	HHA016046	1	23.75	1.5	25.25
775	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	LNH000908	1	24.75	0.5	25.25
776	Nguyễn Thị Trà	My	TDV019605	1	24.75	0.5	25.25
777	Trịnh Thị	Nga	HDT017547	1	24.25	1.0	25.25
778	Nguyễn Thị	Sen	TND021397	1	23.75	1.5	25.25
779	Nguyễn Thị Hải	Yến	TND030052	1	23.75	1.5	25.25
780	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
781	Nguyễn Thị Thanh	Nga	THV009159	1	21.75	3.5	25.25
782	Đặng Thị Hương	Thảo	DCN010194	1	21.75	3.5	25.25
783	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Vi Thị	Nga	HHA009783	1	21.75	3.5	25.25
785	Luân Thị	Thùy	TND024692	1	21.75	3.5	25.25
786	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	1	24.75	0.5	25.25
787	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	1	24.75	0.5	25.25
788	Phan Quốc	Anh	TDV001254	1	23.75	1.5	25.25
789	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
790	Nguyễn Thu	Trang	THP015302	1	24.75	0.5	25.25
791	Khuất Thị Thu	Huyền	KQH006131	1	24.75	0.5	25.25
792	Hoàng Thị	Kiều	TQU002883	1	21.75	3.5	25.25
793	Lưu Thị Thuỳ	Trang	TND026328	1	21.75	3.5	25.25
794	Nguyễn Văn	An	THV000033	1	21.75	3.5	25.25
795	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
796	Lê Thị Thu	Hằng	HDT007887	2	24.50	0.5	25.00
797	Lê Thị	Dung	HDT003867	2	24.00	1.0	25.00
798	Nguyễn Lê	Hạ	TDV008132	2	23.50	1.5	25.00
799	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
800	Bùi Thị	Phượng	DCN009006	2	24.00	1.0	25.00
801	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	2	23.50	1.5	25.00
802	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
803	Nông Thu	Hà	TND006410	2	21.50	3.5	25.00
804	Nông Quỳnh	Hương	TND011964	2	21.50	3.5	25.00
805	Hoàng Thị	Thương	TND025317	2	21.50	3.5	25.00
806	Hà Thị	My	LNH006229	2	21.50	3.5	25.00
807	Nguyễn Thị Thu	Hiền	SPH005941	2	24.50	0.5	25.00
808	Nguyễn Thị Thanh	Thư	TLA013520	2	24.50	0.5	25.00
809	Nguyễn Thu	Thảo	THP013451	2	25.00		25.00
810	Hoàng Thị	Huyền	THV005749	2	23.50	1.5	25.00
811	Đặng Đình	Tuấn	TDV034566	2	23.50	1.5	25.00
812	Trần Thị Thu	Uyên	TDV035624	2	23.50	1.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Hồ Thị Minh	Nguyệt	TTB004473	2	23.50	1.5	25.00
814	Vũ Thị Lan	Anh	DCN000749	2	24.00	1.0	25.00
815	Vương Thị	Quế	TDV024851	2	24.00	1.0	25.00
816	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
817	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
818	Nguyễn Thị	Hạc	TND006551	2	21.50	3.5	25.00
819	Nguyễn Thị	Hiền	KHA003756	2	24.00	1.0	25.00
820	Đào Thị	Hà	TDV007591	2	23.50	1.5	25.00
821	Trần Thị Thanh	Mai	TDV018799	2	24.00	1.0	25.00
822	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	2	24.00	1.0	25.00
823	Nguyễn Phương	Anh	THV000400	2	24.50	0.5	25.00
824	Phạm Thị	Linh	HDT014743	2	24.00	1.0	25.00
825	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	2	24.50	0.5	25.00
826	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00
827	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	2	21.50	3.5	25.00
828	Nguyễn Thị	Hường	HDT012492	2	24.50	0.5	25.00
829	Lê Tố	Anh	HDT000593	2	24.50	0.5	25.00
830	Lê Thị Ngọc	Mai	TND015949	2	23.50	1.5	25.00
831	Nguyễn Thị	Hương	TDV014388	2	24.50	0.5	25.00
832	Vũ Thị	Liên	YTB012306	2	24.00	1.0	25.00
833	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
834	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
835	Bùi Hồng	Nhâm	LNH006858	2	21.50	3.5	25.00
836	Giàng Thị	Vĩ	TQU006452	2	21.50	3.5	25.00
837	Đào Danh	Đông	TDV006398	2	23.50	1.5	25.00
838	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
839	Bùi Văn	Cường	LNH001255	2	21.50	3.5	25.00
840	Trương Thị Huyền	Thương	TDV031245	2	24.00	1.0	25.00
841	Vũ Thị Tú	Uyên	YTB024837	2	23.00	2.0	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Phạm Thị Thùy	Dương	TDV005655	2	23.50	1.5	25.00
843	Lê Thị Thu	Mơ	TDV019479	2	24.50	0.5	25.00
844	Đinh Phương	Thảo	TQU005039	2	23.50	1.5	25.00
845	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
846	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	2	23.50	1.5	25.00
847	Trịnh Thị	Bé	HDT002067	2	23.50	1.5	25.00
848	Lê Thị Hương	Quỳnh	TDV025388	2	23.50	1.5	25.00
849	Nguyễn Lan	Anh	TQU000129	2	23.50	1.5	25.00
850	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
851	Nguyễn Thị	Hoàn	TDV011571	2	23.50	1.5	25.00
852	Lê Thị Ngọc	Trâm	TND026825	2	21.50	3.5	25.00
853	Thào A	Mếnh	DCN007325	2	22.50	2.5	25.00
854	Vũ Thị	Dương	THP002855	2	24.50	0.5	25.00
855	Bùi Thị	Thương	THV013261	2	23.50	1.5	25.00
856	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
857	Triệu Thị	Ngát	TND017510	1	21.50	3.5	25.00
858	Nông Thị	Gấm	TND005751	1	21.50	3.5	25.00
859	Lương Thị Hải	Yến	TND030008	1	21.50	3.5	25.00
860	Trần Thị	Hà	HDT006984	1	24.00	1.0	25.00
861	Trịnh Thu	Hà	THV003643	1	23.50	1.5	25.00
862	Hoàng Thạch	Thảo	TND022963	1	21.50	3.5	25.00
863	Nùng Thị	Hằng	THV004113	1	21.50	3.5	25.00
864	Đặng Thị	Anh	TND000264	1	23.50	1.5	25.00
865	Nguyễn Khánh	Ly	DCN007020	1	24.50	0.5	25.00
866	Trần Thị Mỹ	Linh	TDV017330	1	23.50	1.5	25.00
867	Ma ánh	Tuyết	TQU006316	1	21.50	3.5	25.00
868	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
869	Sùng A	Gia	TTB001626	1	21.50	3.5	25.00
870	Mùa A	Seng	TND021407	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 31

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Trần Thị	Thương	SPH016915	1	24.50	0.5	25.00
872	Bùi Thị	Thêu	TTB006089	1	21.50	3.5	25.00
873	Vi Thị	Phương	TND020123	1	21.50	3.5	25.00
874	Nguyễn Thanh	Thủy	TQU005471	1	23.50	1.5	25.00
875	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
876	Vi Thị Hồng	Thái	TND022373	1	21.50	3.5	25.00
877	Mai Thị	Chiêm	TND002346	1	21.50	3.5	25.00
878	Liêu Thị	Linh	DCN006316	1	21.50	3.5	25.00
879	Đinh Thị Hải	Yến	TND029937	1	21.50	3.5	25.00
880	Võ Thị Hồng	Trang	HHA014848	1	24.50	0.5	25.00
881	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	1	21.50	3.5	25.00
882	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00
883	Lý San	Mấy	DCN007320	1	21.50	3.5	25.00
884	Lê Hồng	Ngọc	DCN008058	1	24.50	0.5	25.00
885	Trần Thị Thu	Uyên	THP016510	1	24.50	0.5	25.00
886	Nguyễn Khánh	Hòa	LNH003521	1	21.50	3.5	25.00
887	Nguyễn Huy	Phong	DCN008689	1	24.50	0.5	25.00
888	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	1	24.50	0.5	25.00
889	Lưu Thị	Dịu	HVN001568	1	24.00	1.0	25.00
890	Lê Thị	Tuyết	HDT029062	1	23.50	1.5	25.00
891	Lê Nguyễn Hương	Ly	HDT015751	1	23.50	1.5	25.00
892	Mộc Văn	Chinh	THV001405	1	21.50	3.5	25.00
893	Trần Thị Cẩm	Tú	TND027605	1	21.50	3.5	25.00
894	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00
895	Triệu Thị	Trang	TQU005901	1	21.50	3.5	25.00
896	Lù Thị	Loan	TTB003616	1	21.50	3.5	25.00
897	Lã Thu	Thủy	TQU005458	1	21.50	3.5	25.00
898	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00
899	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Nguyễn Vũ Thiều	Hoa	THP005353	1	24.50	0.5	25.00
901	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
902	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
903	Phan Thị	Trình	TTB006890	1	23.50	1.5	25.00
904	Hoàng Tiến	Duân	TND003623	1	21.50	3.5	25.00
905	Nguyễn Nga	Quỳnh	THV011106	1	21.50	3.5	25.00
906	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
907	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00
908	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
909	Đỗ Tiến	Dũng	TQU000878	1	23.50	1.5	25.00
910	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	1	23.50	1.5	25.00
911	Lò Thạc	Khuê	THV006689	2	21.25	3.5	24.75
912	Võ Tiến	Đạt	TDV006201	2	23.75	1.0	24.75
913	Lê Ngọc	Linh	TND014253	2	21.25	3.5	24.75
914	Phan Thị	Ngọc	TDV021352	2	23.75	1.0	24.75
915	Bàn Thị	Thủy	THV012988	2	21.25	3.5	24.75
916	Liếng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
917	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
918	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
919	Lò Thị	Trang	TTB006763	2	21.25	3.5	24.75
920	Hoàng Thu	Giang	KQH003341	2	24.25	0.5	24.75
921	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
922	Vũ Thị Thanh	Xuân	YTB025584	2	23.75	1.0	24.75
923	Đình Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
924	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	2	21.25	3.5	24.75
925	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	2	23.75	1.0	24.75
926	Đào Thị	Trang	HHA014453	2	23.25	1.5	24.75
927	Quan Thị	Vân	TQU006433	2	21.25	3.5	24.75
928	Nguyễn Thị Hoài	Thu	LNH009019	2	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Phạm Thị	Giang	HDT006422	2	23.25	1.5	24.75
930	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75
931	Cao Thị	Trang	SPH017281	2	23.75	1.0	24.75
932	Trần Thị Kim	Dung	SPH003118	2	21.25	3.5	24.75
933	Hoàng Thị Lan	Anh	SPH000413	2	23.75	1.0	24.75
934	Khuất Kiều	Anh	DCN000203	2	24.25	0.5	24.75
935	Đàm Thị	Luyện	TND015430	2	21.25	3.5	24.75
936	Bế Thị	Định	TND005206	2	21.25	3.5	24.75
937	Nguyễn Thị	Thúy	TQU005508	2	23.25	1.5	24.75
938	Lý Thị	Hiền	KQH004530	2	21.25	3.5	24.75
939	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75
940	Phạm Như	Quỳnh	THV011168	2	23.25	1.5	24.75
941	Phan Thùy	Linh	HDT014687	2	23.25	1.5	24.75
942	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	2	21.25	3.5	24.75
943	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
944	Đặng Thị	Luyến	TQU003405	2	23.25	1.5	24.75
945	Hoàng Thị	Lam	TDV015475	2	23.25	1.5	24.75
946	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	2	23.75	1.0	24.75
947	Hồ Sỹ Sơn	Anh	TDV000438	2	23.25	1.5	24.75
948	Ngô Thị	Ngọc	THP010353	2	24.25	0.5	24.75
949	Lương Văn	Cảnh	TND002000	2	21.25	3.5	24.75
950	Trần Quỳnh Anh	Thư	THV013233	2	21.25	3.5	24.75
951	Nguyễn Thị	Tuyết	SPH019067	2	23.25	1.5	24.75
952	Bùi Thị Thanh	Thủy	HDT024852	2	24.25	0.5	24.75
953	Tạ Thị	Vương	THV015409	2	22.25	2.5	24.75
954	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
955	Lý Thị	Quỳnh	THV011097	2	21.25	3.5	24.75
956	Ma Thị	Thu	TQU005363	2	21.25	3.5	24.75
957	Vương Thị	Nụ	KQH010483	2	24.25	0.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Nguyễn Phương	Mai	TDV018665	2	24.25	0.5	24.75
959	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
960	Hoàng Thị	Tư	DCN012871	2	21.25	3.5	24.75
961	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
962	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
963	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
964	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
965	Bùi Vũ Mỹ	Linh	THV007257	1	23.25	1.5	24.75
966	Ngô Thị	Oánh	YTB016855	1	23.75	1.0	24.75
967	Đỗ Thị	Thúy	DCN011126	1	24.25	0.5	24.75
968	Nguyễn Khánh	Ly	TLA008787	1	23.75	1.0	24.75
969	Mai Thị Thu	Huyền	KQH006165	1	23.75	1.0	24.75
970	Trương Thị	Trang	KQH014797	1	24.25	0.5	24.75
971	Nguyễn Thị	Trang	TLA014161	1	24.25	0.5	24.75
972	Dương Thị	Hiền	TND007758	1	23.25	1.5	24.75
973	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	1	23.75	1.0	24.75
974	Nguyễn Thị Thu	Thủy	SPH016598	1	23.75	1.0	24.75
975	Phan Thị	Hoài	TDV011412	1	23.75	1.0	24.75
976	Lương Thị	Trang	TND026315	1	21.25	3.5	24.75
977	Nguyễn Hồng	Hạnh	TND006971	1	23.25	1.5	24.75
978	Hoàng Thị	Hoan	TND009238	1	21.25	3.5	24.75
979	Nguyễn Thị Tú	Linh	HDT014599	1	23.75	1.0	24.75
980	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	YTB018329	1	23.75	1.0	24.75
981	Mã Thị Mỹ	Hạnh	DCN003183	1	21.25	3.5	24.75
982	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
983	Đinh Thị	Khuyên	YTB011484	1	23.75	1.0	24.75
984	Vi Thị	Tấm	TND022184	1	21.25	3.5	24.75
985	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75
986	Đào Quang	Anh	TLA000247	1	24.75		24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Chêo A	Phấy	DCN008660	1	21.25	3.5	24.75
988	Đàm Thị Thu	Hoài	HDT009553	1	24.25	0.5	24.75
989	Phan Thị Hà	My	DHU013378	1	23.75	1.0	24.75
990	Phàn Mắy	Lắy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
991	Phan Lê Minh	Phươg	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
992	Trần Thị Nguyệt	Trang	YTB023117	1	24.25	0.5	24.75
993	Dươg Thanh	Nhiêm	TND018724	1	21.25	3.5	24.75
994	Nguyễn Thị	Thậ	DCN010540	1	24.25	0.5	24.75
995	Trần Thị	Nhi	TDV022214	1	23.75	1.0	24.75
996	Nguyễn Thùy	Dươg	THV002547	1	23.25	1.5	24.75
997	Đỗ Phươg	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
998	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
999	Trần Thanh	Loan	TQU003332	1	23.25	1.5	24.75
1000	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
1001	Đinh Thị	Dự	TQU001020	1	21.25	3.5	24.75
1002	Nguyễn Thị Thu	Hằg	THV004072	1	23.25	1.5	24.75
1003	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
1004	Đinh Thị Như	Quỳnh	THV011045	1	21.25	3.5	24.75
1005	Bùi Thị Hồng	Tuyết	LNH010529	1	21.25	3.5	24.75
1006	Nguyễn Thị	Nhuơg	THP011027	1	24.25	0.5	24.75
1007	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	THV014929	1	23.25	1.5	24.75
1008	Nguyễn Thị	Đoan	TLA003464	1	24.25	0.5	24.75
1009	Từ Thị	Tuyển	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
1010	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
1011	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	1	23.25	1.5	24.75
1012	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
1013	Ngô Thị	Ngọc	THP010352	1	23.75	1.0	24.75
1014	Hoàng Thị	Lươg	TND015509	2	21.00	3.5	24.50
1015	Trươg Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Nguyễn Thị Huyền	Trang	THV013818	2	23.50	1.0	24.50
1017	Cao Thị Thanh	Hòa	TND008902	2	21.00	3.5	24.50
1018	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50
1019	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
1020	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
1021	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
1022	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
1023	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	THV014097	2	23.00	1.5	24.50
1024	Lương Thị	Thắm	TTB005973	2	21.00	3.5	24.50
1025	Linh Thị	Hằng	KQH004241	2	21.00	3.5	24.50
1026	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	LNH006980	2	23.00	1.5	24.50
1027	Hoàng Kim	Anh	HDT000411	2	23.50	1.0	24.50
1028	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	2	23.00	1.5	24.50
1029	Hoàng Thùy	Trang	THV013728	2	21.00	3.5	24.50
1030	Lê Thị Huyền	Trang	THV013747	2	21.00	3.5	24.50
1031	Vũ Thị Hồng	Nhung	HDT019034	2	23.00	1.5	24.50
1032	Trần Thị Mỹ	Hoa	SPH006592	2	23.50	1.0	24.50
1033	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50
1034	Hoàng Thị Thu	Uyên	HDT029318	2	23.00	1.5	24.50
1035	Đào Thị	Thu	THP014025	2	23.50	1.0	24.50
1036	Trần Thị Lan	Anh	TQU000231	2	23.00	1.5	24.50
1037	Hà Thị	Phượng	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
1038	Dương A	Giàng	TND006057	2	21.00	3.5	24.50
1039	Nguyễn Minh	Thành	TDV027706	2	24.00	0.5	24.50
1040	Phạm Nhật	Tú	TDV034407	2	23.50	1.0	24.50
1041	Trịnh Bích	Phượng	TND020116	2	23.00	1.5	24.50
1042	Lê Thị Thúy	Vân	KHA011485	2	23.50	1.0	24.50
1043	Nguyễn Anh	Cường	TLA002252	2	24.50		24.50
1044	Phạm Thị Thu	Hiền	HHA004655	2	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Nguyễn Thị	Huyền	THP006557	2	23.50	1.0	24.50
1046	Lê Thị	Hường	HDT012462	2	23.50	1.0	24.50
1047	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50
1048	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
1049	Lương Kim	Hoàn	TND009285	2	21.00	3.5	24.50
1050	Đình Thị	Thành	LNH008311	2	21.00	3.5	24.50
1051	Nguyễn Thị	Tình	HDT025944	2	23.00	1.5	24.50
1052	Ngô Thị Lan	Phượng	DHU017849	2	24.00	0.5	24.50
1053	Lê Thị	Kưu	TDV015377	2	23.50	1.0	24.50
1054	Nguyễn Đình	Trung	TDV033815	2	23.00	1.5	24.50
1055	Triệu Thị	Diệu	TND003543	2	21.00	3.5	24.50
1056	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
1057	Nguyễn Thị	Chinh	THP001631	2	23.00	1.5	24.50
1058	Đào Thị	Thúy	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
1059	Lương Thị	Thảo	LNH008490	2	21.00	3.5	24.50
1060	Nguyễn Thị	Lý	HDT015874	2	23.50	1.0	24.50
1061	Nguyễn Thị	Quỳnh	THV011145	2	23.00	1.5	24.50
1062	Trần Thái	Bảo	SPH001971	2	24.50		24.50
1063	Lành Văn	Thành	KQH012408	2	21.00	3.5	24.50
1064	Nguyễn Thị	Kim	HDT013022	2	23.50	1.0	24.50
1065	Đình Thị	Thương	TDV030929	2	23.00	1.5	24.50
1066	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
1067	Nguyễn Thị Hương	Lan	TND013312	2	24.00	0.5	24.50
1068	Phạm Thị Thu	Hương	THV006295	2	23.00	1.5	24.50
1069	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50
1070	Nguyễn Thị	Sửu	SPH014988	2	23.00	1.5	24.50
1071	Hà Thị	Phượng	HDT020179	2	21.00	3.5	24.50
1072	Cù Thu	Thủy	TQU005449	2	23.00	1.5	24.50
1073	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Đặng Huỳnh	Nguyễn	DHU014867	2	24.00	0.5	24.50
1075	Nguyễn Thị Mai	Trang	TLA014103	2	24.00	0.5	24.50
1076	Lò Thị	Thanh	TTB005662	1	21.00	3.5	24.50
1077	Nguyễn Tuấn	Bình	HDT002238	1	21.00	3.5	24.50
1078	Vũ Thị Minh	Quyên	YTB018104	1	23.50	1.0	24.50
1079	Trịnh Thị Mai	Hương	HDT012382	1	23.50	1.0	24.50
1080	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50
1081	Nguyễn Thị Vân	Anh	THV000498	1	23.00	1.5	24.50
1082	Lý Thị	Như	KQH010417	1	21.00	3.5	24.50
1083	Giàng Văn	Tư	TQU006328	1	21.00	3.5	24.50
1084	Triệu Thị	Duyên	TND004397	1	21.00	3.5	24.50
1085	Quàng Văn	Tùng	TTB007245	1	21.00	3.5	24.50
1086	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	KQH012644	1	24.00	0.5	24.50
1087	Nguyễn Diệu	Thu	LNH009010	1	21.00	3.5	24.50
1088	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
1089	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
1090	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
1091	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
1092	Đinh ánh	Tuyết	TTB007295	1	21.00	3.5	24.50
1093	Nguyễn Thị	Hoa	TND008785	1	23.00	1.5	24.50
1094	Đặng Diệp	Hương	THP006956	1	24.00	0.5	24.50
1095	Đỗ Thị	Lương	YTB013712	1	23.50	1.0	24.50
1096	Nông Thị	Lan	TND013372	1	21.00	3.5	24.50
1097	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
1098	Lương Thị	Nhinh	YTB016281	1	23.50	1.0	24.50
1099	Trương Thúy	Nga	SPH012233	1	24.00	0.5	24.50
1100	Hoàng Thị Thu	Hằng	YTB006952	1	23.50	1.0	24.50
1101	Nguyễn Thu	Thủy	THV013060	1	23.00	1.5	24.50
1102	Nguyễn Đình	Đức	HHA003286	1	24.00	0.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Triệu Mùi	Ten	TND022246	1	21.00	3.5	24.50
1104	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
1105	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
1106	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
1107	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
1108	Nguyễn Thị Thùy	Giang	THP003595	1	24.00	0.5	24.50
1109	Phùng Thị	Thảo	TND023301	1	21.00	3.5	24.50
1110	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
1111	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
1112	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50
1113	Điêu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
1114	Lê Thị ánh	Trình	HDT027415	1	23.00	1.5	24.50
1115	Đỗ Thị	Hạnh	KQH003920	1	24.00	0.5	24.50
1116	Hà Thị Thu	Thuỷ	THP014201	1	23.50	1.0	24.50
1117	Ma Thị	Hà	THV003498	1	21.00	3.5	24.50
1118	Chầu Thị	Ly	TQU003450	1	21.00	3.5	24.50
1119	Nguyễn Thị Thanh	Lam	THV006858	1	23.00	1.5	24.50
1120	Vũ Thị	Hương	THP007210	1	24.00	0.5	24.50
1121	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	1	23.00	1.5	24.50
1122	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
1123	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	TND014527	1	24.00	0.5	24.50
1124	Doãn Thị	Niềm	TND019123	1	23.50	1.0	24.50
1125	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
1126	Lò Thị	Hằng	TTB002023	1	21.00	3.5	24.50
1127	Trần Thị Mỹ	Linh	THV007782	1	21.00	3.5	24.50
1128	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50
1129	Lê Thị	Hoà	YTB008361	1	23.50	1.0	24.50
1130	Nguyễn Thị	Diệp	THP002082	1	23.50	1.0	24.50
1131	Nguyễn Thị Hà	Trang	DCN011779	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Nguyễn Thị	Oanh	KQH010551	1	24.00	0.5	24.50
1133	Nguyễn Thị Bích	Thuận	THP014171	1	24.00	0.5	24.50
1134	Lương Thị Lệ	Quyên	TND020778	2	20.75	3.5	24.25
1135	Ngô Thị	Ngọc	HDT018007	2	23.25	1.0	24.25
1136	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	2	22.75	1.5	24.25
1137	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
1138	Phạm Thị Hoài	Thương	TDV031163	2	22.75	1.5	24.25
1139	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
1140	Nguyễn Thị Hà	Ly	TDV018324	2	22.75	1.5	24.25
1141	Phan Thị	Linh	TDV017114	2	22.75	1.5	24.25
1142	Lý Thành	Công	THV001607	2	20.75	3.5	24.25
1143	Đỗ Thị	Nguyệt	HHA010324	2	23.25	1.0	24.25
1144	Bế Thị	Nga	TND017267	2	20.75	3.5	24.25
1145	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	2	23.25	1.0	24.25
1146	Trần Ngọc Hương	Trang	THV013997	2	22.75	1.5	24.25
1147	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25
1148	Lê Thị Thu	Giang	HDT006303	2	23.25	1.0	24.25
1149	Phan Thị	Thảo	SPH015781	2	23.25	1.0	24.25
1150	Nguyễn Thị	Thu	HDT024465	2	22.75	1.5	24.25
1151	Trần Thùy	Linh	YTB013134	2	23.75	0.5	24.25
1152	Phượng Thùy	Dung	TND003795	2	20.75	3.5	24.25
1153	Trần Thị	Trang	TDV033075	2	22.75	1.5	24.25
1154	Nguyễn Thị Thu	Hương	THV006268	2	22.75	1.5	24.25
1155	Mông Thị Thùy	Linh	KQH007834	2	20.75	3.5	24.25
1156	Cao Phương	Chi	THV001244	2	22.75	1.5	24.25
1157	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
1158	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25
1159	Trần Thị Phương	Thảo	HDT023428	2	23.25	1.0	24.25
1160	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	2	22.75	1.5	24.25
1162	Nguyễn Trần Ngân	Diệp	LNH001390	2	20.75	3.5	24.25
1163	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
1164	Nguyễn Phương	Hảo	TQU001582	2	22.75	1.5	24.25
1165	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25
1166	Phan Đức	Kiên	BKA006913	2	23.25	1.0	24.25
1167	Lê Thị Kim	Chi	TDV002904	2	22.75	1.5	24.25
1168	Bùi Thị	Nhung	HDT018636	2	23.25	1.0	24.25
1169	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
1170	Hà Ngọc Thủy	Tiên	LNH009416	2	20.75	3.5	24.25
1171	Hà Thị Minh	Hạnh	THV003851	2	22.75	1.5	24.25
1172	Hoàng Thị	Nghiệp	TQU003877	2	20.75	3.5	24.25
1173	Nguyễn Thu	Hằng	TQU001639	2	22.75	1.5	24.25
1174	Cao Thị	Giang	TDV007113	2	22.75	1.5	24.25
1175	Hà Anh	Thư	TQU005535	2	20.75	3.5	24.25
1176	Lê Thị	Lanh	DCN005963	2	23.25	1.0	24.25
1177	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	2	22.75	1.5	24.25
1178	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
1179	Lê Thị Mỹ	Linh	THV007450	2	23.25	1.0	24.25
1180	Lê Hoàng	Anh	SPH000486	2	23.75	0.5	24.25
1181	Uông Thị	Hà	TDV008097	2	22.75	1.5	24.25
1182	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	KHA005756	2	23.75	0.5	24.25
1183	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
1184	Trịnh Đức	Mạnh	HDT016368	2	23.25	1.0	24.25
1185	Nguyễn Thị	Giang	KQH003389	1	23.75	0.5	24.25
1186	Long Quốc	Huấn	TND009988	1	20.75	3.5	24.25
1187	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
1188	Nguyễn Thị Lan	Anh	THP000532	1	23.25	1.0	24.25
1189	Hoàng Lệ	Ninh	SPH013210	1	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
1191	Nguyễn Anh	Đức	TDV006715	1	22.75	1.5	24.25
1192	Châu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
1193	Vũ Thị Mỹ	Hạnh	TND007104	1	20.75	3.5	24.25
1194	Bế Ngọc	Thư	KQH013879	1	20.75	3.5	24.25
1195	Lê Trúc	Uyên	KHA011428	1	24.25		24.25
1196	Dương Thị	Hạnh	TND006866	1	23.25	1.0	24.25
1197	Hoàng Thị	Hoà	TND008888	1	22.75	1.5	24.25
1198	Triệu Hà	Thanh	TND022523	1	20.75	3.5	24.25
1199	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
1200	Phạm Thị	Anh	SPH001355	1	23.75	0.5	24.25
1201	Đỗ Thị	Hoài	HDT009549	1	23.25	1.0	24.25
1202	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
1203	Kiều Anh	Ngọc	THV009468	1	22.75	1.5	24.25
1204	Tấn Phong	Mấy	THV008631	1	20.75	3.5	24.25
1205	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
1206	Võ Phương	Linh	TDV017423	1	23.75	0.5	24.25
1207	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	KQH000514	1	23.75	0.5	24.25
1208	Bùi Thị Bích	Hạnh	LNH002741	1	20.75	3.5	24.25
1209	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
1210	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	TQU005513	1	22.75	1.5	24.25
1211	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
1212	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
1213	Hoàng Thị Thuỳ	Dương	TND004501	1	22.75	1.5	24.25
1214	Phạm Thị Phương	Thuỳ	TQU005440	1	22.75	1.5	24.25
1215	Nguyễn Thị	Tám	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
1216	Phạm Thị Mai	Hương	TLA006817	1	22.75	1.5	24.25
1217	Dương Thị	Tính	TQU005680	1	20.75	3.5	24.25
1218	Lê Thị Kim	Loan	KQH008177	1	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
1220	Vũ Thị Hương	Lan	THP007869	1	22.75	1.5	24.25
1221	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
1222	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
1223	Hoàng Thị Bích	Phượng	TDV023805	1	23.25	1.0	24.25
1224	Lục Văn	Đình	TND005198	1	20.75	3.5	24.25
1225	Tô Phương	Thảo	SPH015813	1	23.25	1.0	24.25
1226	Lê Hương	Giang	LNH002339	1	22.75	1.5	24.25
1227	Đoàn Ngọc	Phúc	THV010289	1	22.75	1.5	24.25
1228	Trần Thị	Phượng	TLA011197	1	23.25	1.0	24.25
1229	Nguyễn Thị Huyền	Trang	YTB022775	1	23.75	0.5	24.25
1230	Nguyễn Thu	Hiền	KQH004608	1	20.75	3.5	24.25
1231	Nguyễn Thu	Phượng	SPH013800	1	23.75	0.5	24.25
1232	Nông Thị	Vân	TND029364	1	20.75	3.5	24.25
1233	Ngọc Châu An	Mi	HHA009104	1	22.25	2.0	24.25
1234	Đào Duy	Hải	TLA004256	1	23.75	0.5	24.25
1235	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
1236	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	1	24.25		24.25
1237	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
1238	Nguyễn Thị Thu	Trang	BKA013470	1	23.75	0.5	24.25
1239	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
1240	Phạm Thị Nhật	Lệ	KHA005441	1	23.25	1.0	24.25
1241	Lò Thị	Thảo	TTB005882	1	20.75	3.5	24.25
1242	Chung Thị	Diệp	TND003448	1	20.75	3.5	24.25
1243	Nguyễn Thanh	Thúy	SPH016763	1	23.75	0.5	24.25
1244	Trần Thị Huyền	Trang	DCN011994	1	23.75	0.5	24.25
1245	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
1246	Đào Thanh	Luyến	KHA006228	1	23.25	1.0	24.25
1247	Nguyễn Minh	Phượng	THV010481	1	23.75	0.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Hoàng Linh	Chi	TND002221	1	20.75	3.5	24.25
1249	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
1250	Phạm Minh	Phương	TND020044	1	22.75	1.5	24.25
1251	Đinh Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25
1252	Phạm Thị	Loan	TDV017585	1	22.75	1.5	24.25
1253	Nguyễn Thị	Giang	YTB005628	1	23.25	1.0	24.25
1254	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013128	1	22.75	1.5	24.25
1255	Nguyễn Thị Hồng	Quý	TND020695	1	22.75	1.5	24.25
1256	Vũ Khắc	Toàn	DCN011568	1	23.25	1.0	24.25
1257	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	TND018947	1	20.75	3.5	24.25
1258	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
1259	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
1260	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	2	22.50	1.5	24.00
1261	Ngọc Thị	Tươi	TND028733	2	20.50	3.5	24.00
1262	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00
1263	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
1264	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013715	2	22.50	1.5	24.00
1265	Nguyễn Thị	Quỳnh	TND021174	2	22.50	1.5	24.00
1266	Trần Ngọc	Diệp	TND003500	2	22.50	1.5	24.00
1267	Phạm Hồng	Phương	HHA011382	2	22.50	1.5	24.00
1268	Phạm Thị	Liễu	TDV016179	2	23.00	1.0	24.00
1269	Ngô Quỳnh	Oanh	TTB004690	2	22.50	1.5	24.00
1270	Nguyễn Thị Phương	Loan	THV007890	2	22.50	1.5	24.00
1271	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
1272	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	2	20.50	3.5	24.00
1273	Phạm Thị Kim	Anh	SPH001360	2	20.50	3.5	24.00
1274	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
1275	Nguyễn Thị	Bình	TND001889	2	20.50	3.5	24.00
1276	Chu Tú	Anh	TND000127	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
1278	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	2	23.50	0.5	24.00
1279	Phạm Thị Thu	Yên	HHA016497	2	23.50	0.5	24.00
1280	Nguyễn Thị Thu	Hằng	THP004552	2	23.00	1.0	24.00
1281	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
1282	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	2	23.00	1.0	24.00
1283	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00
1284	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	2	23.50	0.5	24.00
1285	Trần Thị	Hường	THV006436	2	22.50	1.5	24.00
1286	Võ Đình	Nhật	TDV022102	2	23.00	1.0	24.00
1287	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
1288	Phùng Mỹ	Linh	DCN006564	2	23.50	0.5	24.00
1289	Nguyễn Thị Thanh	Hương	HHA006851	2	22.50	1.5	24.00
1290	Lý Thị Minh	Vượng	TQU006545	2	20.50	3.5	24.00
1291	Nguyễn Thành	Đạt	TQU001120	2	20.50	3.5	24.00
1292	Ngô Đăng	Triệu	SPH017966	2	23.50	0.5	24.00
1293	Nguyễn Linh	Chi	TDV002927	2	23.50	0.5	24.00
1294	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
1295	Nguyễn Thị	ánh	TDV001772	2	23.00	1.0	24.00
1296	Đình Thị	Phương	TDL011197	2	22.50	1.5	24.00
1297	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00
1298	Ngô Thị Thanh	Thủy	KQH013653	2	23.50	0.5	24.00
1299	Bùi Thị	Lý	LNH005843	2	20.50	3.5	24.00
1300	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
1301	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
1302	Nguyễn Diệu	Linh	TLA007891	1	24.00		24.00
1303	Nguyễn Thị	Hiền	TQU001721	1	20.50	3.5	24.00
1304	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00
1305	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 46

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	La Thị	Nga	TND017328	1	20.50	3.5	24.00
1307	Hà Thị	Duyên	TND004294	1	20.50	3.5	24.00
1308	Nguyễn Thị	Nga	HDT017443	1	23.00	1.0	24.00
1309	Trần Văn	Thái	HDT022492	1	23.00	1.0	24.00
1310	Hoàng Thị Huyền	Trang	THV013712	1	22.50	1.5	24.00
1311	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
1312	Trịnh Thị	Thùy	HDT024845	1	23.00	1.0	24.00
1313	Đỗ Kiều	Nga	HDT017325	1	23.50	0.5	24.00
1314	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
1315	Dương Thị Ngọc	Anh	TND000161	1	23.00	1.0	24.00
1316	Dương Thùy	Trang	TTB006727	1	22.50	1.5	24.00
1317	Hoàng Thị Hải	Yến	TTB007675	1	20.50	3.5	24.00
1318	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
1319	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
1320	Hoàng Thị Thanh	Thiên	TND023806	1	20.50	3.5	24.00
1321	Nguyễn Thị	Huyền	TTB002829	1	22.50	1.5	24.00
1322	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DCN010684	1	23.50	0.5	24.00
1323	Nguyễn Thanh	Huệ	TQU002242	1	22.50	1.5	24.00
1324	Nguyễn Thị	Thủy	TND024896	1	22.50	1.5	24.00
1325	Nguyễn Hằng	Ngọc	SPH012568	1	22.50	1.5	24.00
1326	Phạm Thị Thu	Trang	HHA014756	1	23.50	0.5	24.00
1327	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
1328	Đào Thị Thanh	Huyền	THP006449	1	23.50	0.5	24.00
1329	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
1330	Bùi Thị Hải	Hà	HVN002597	1	23.50	0.5	24.00
1331	Hà Thanh	Tâm	TND022037	1	23.50	0.5	24.00
1332	Đỗ Thị Huyền	Trang	KQH014362	1	23.50	0.5	24.00
1333	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008758	1	22.50	1.5	24.00
1334	Hoàng Trang	Nhật	DCN008313	1	23.50	0.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
1336	Lê Thị Hồng	Gấm	TND005746	1	22.50	1.5	24.00
1337	Pờ Chùy	Pứ	TTB005001	1	20.50	3.5	24.00
1338	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
1339	Vũ Thị	Chinh	HDT002786	1	22.50	1.5	24.00
1340	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
1341	Phạm Thị	Thảo	THV012317	1	22.50	1.5	24.00
1342	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	1	22.50	1.5	24.00
1343	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	1	20.50	3.5	24.00
1344	Nguyễn Thị	út	TND028795	1	22.50	1.5	24.00
1345	Phạm Thị	Anh	YTB001125	1	23.00	1.0	24.00
1346	Đỗ Thị Hoàng	Anh	SPH000227	1	23.00	1.0	24.00
1347	Đỗ Đức	Duy	DCN001922	1	23.50	0.5	24.00
1348	Phạm Ngọc	Anh	YTB001102	1	23.00	1.0	24.00
1349	Phùng Kim	Quân	DCN009245	1	23.50	0.5	24.00
1350	Trương Thị Hồng	Dự	THV002466	1	20.50	3.5	24.00
1351	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00
1352	Hoàng Thị Trà	Giang	TDV007188	1	22.00	2.0	24.00
1353	Lò Thị	Tình	TTB006626	1	20.50	3.5	24.00
1354	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
1355	Đoàn Thị Ngọc	ánh	THV000766	1	22.50	1.5	24.00
1356	Dương Thị	Thu	TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
1357	Lý Thị	Niệm	TND019129	1	20.50	3.5	24.00
1358	Lương Thị	Thủy	TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
1359	Trần Thị Hải	Yến	SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
1360	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
1361	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
1362	Võ Thị Minh	Nguyệt	DHU014973	1	23.50	0.5	24.00
1363	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1364	Tần San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
1365	Nguyễn Thị	Trang	HDT026981	1	23.00	1.0	24.00
1366	Bùi Thị	Dìn	LNH001404	1	20.50	3.5	24.00
1367	Nguyễn Thị	Hảo	DCN003313	1	23.50	0.5	24.00
1368	Nguyễn Thị	Đạt	YTB004758	1	23.00	1.0	24.00
1369	Chu Thị	Thảo	SPH015531	1	23.50	0.5	24.00
1370	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TQU001725	1	20.50	3.5	24.00
1371	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
1372	Nguyễn Văn	Thông	SPH016229	2	22.25	1.5	23.75
1373	Lê Thị	Trang	HDT026601	2	20.25	3.5	23.75
1374	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	2	23.25	0.5	23.75
1375	Hoàng Thị Thu	Hà	THV003469	2	22.25	1.5	23.75
1376	Chu Thị	Hồng	TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1377	Ngô Thị	Hằng	TND007355	2	22.75	1.0	23.75
1378	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
1379	Trần Thị	Tâm	TND022148	2	20.25	3.5	23.75
1380	Lê Thị Trà	My	TDV019572	2	23.25	0.5	23.75
1381	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	2	22.25	1.5	23.75
1382	Nguyễn Thị	Quyên	HHA011628	2	23.25	0.5	23.75
1383	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1384	Nông Đức	Toàn	TQU005705	2	20.25	3.5	23.75
1385	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1386	Đinh Thị Quỳnh	Trang	TDV032107	2	22.75	1.0	23.75
1387	Nguyễn Thị	Nôn	HVN007953	2	22.75	1.0	23.75
1388	Bùi Thị Dương	Anh	HDT000147	2	22.25	1.5	23.75
1389	Hoàng Thị	Duyên	TND004306	2	20.25	3.5	23.75
1390	Lê Thị	Hương	HDT012078	2	22.25	1.5	23.75
1391	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	2	23.25	0.5	23.75
1392	Lê Minh	Hiền	TDV009786	2	22.75	1.0	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 49

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1393	Phan Minh	Anh	HDT001332	2	22.25	1.5	23.75
1394	Đào Tiến	Tùng	THV014733	2	22.25	1.5	23.75
1395	Trương Phương	Thảo	YTB020000	2	22.75	1.0	23.75
1396	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1397	Lê Cẩm	Vân	TDV035758	2	22.25	1.5	23.75
1398	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	2	23.25	0.5	23.75
1399	Trần Hữu	Đức	TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1400	Nguyễn Quang	Trường	TQU006019	2	22.25	1.5	23.75
1401	Nguyễn Thị Hoàng	Thảo	LNH008515	2	20.25	3.5	23.75
1402	Nguyễn Ngọc	Anh	HDT000974	2	23.25	0.5	23.75
1403	Cao Thị	Phương	HDT019645	2	22.75	1.0	23.75
1404	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	1	22.25	1.5	23.75
1405	Đỗ Thị	Nhung	HDT018662	1	20.25	3.5	23.75
1406	Trương Đình	Tiến	BKA013089	1	23.25	0.5	23.75
1407	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	1	22.25	1.5	23.75
1408	Nguyễn Thị Anh	Thư	TQU005544	1	20.25	3.5	23.75
1409	Mai Thị	Oanh	HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1410	Trần Thị Thu	Uyên	KHA011455	1	22.75	1.0	23.75
1411	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1412	Mai Thị	Thúy	HDT025188	1	22.75	1.0	23.75
1413	Vũ Văn	Tiến	HDT025887	1	22.75	1.0	23.75
1414	Trần Thị	Huế	TND010132	1	20.25	3.5	23.75
1415	Đồng Thị	Hà	TQU001392	1	20.25	3.5	23.75
1416	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1417	Trương Thị	Nhung	TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1418	Nguyễn Thị Hồng	Vân	KQH016057	1	23.25	0.5	23.75
1419	Hàng Seo	Sản	THV011290	1	20.25	3.5	23.75
1420	Nguyễn Thị	Ngọc	THV009537	1	22.25	1.5	23.75
1421	Đặng Thị Hồng	Hiệp	THV004434	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1422	Nguyễn Thị	Duyên	DCN002021	1	23.25	0.5	23.75
1423	Hoàng Thị	Định	HDT005548	1	22.25	1.5	23.75
1424	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1425	Phạm Thu	Hà	LNH002575	1	22.25	1.5	23.75
1426	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75
1427	Nguyễn Thị	Linh	YTB012779	1	22.75	1.0	23.75
1428	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	1	22.25	1.5	23.75
1429	Nguyễn Thị Thanh	Mai	TND016027	1	22.25	1.5	23.75
1430	Triệu Thị	Huệ	TQU002252	1	20.25	3.5	23.75
1431	Nguyễn Thị Khánh	Linh	TDV016765	1	23.25	0.5	23.75
1432	Đinh Thị	Hằng	DCN003377	1	22.75	1.0	23.75
1433	Lê Quỳnh	Anh	YTB000502	1	23.25	0.5	23.75
1434	Hoàng Thị	Thúy	TND024998	1	20.25	3.5	23.75
1435	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1436	Trần Thuỳ	Dương	KQH002644	1	23.25	0.5	23.75
1437	Nguyễn Diệu	Thúy	SPH016725	1	23.25	0.5	23.75
1438	Phạm Thị	Giang	HDT006413	1	22.75	1.0	23.75
1439	Lý Thị Thu	Thảo	TND023043	1	20.25	3.5	23.75
1440	Phí Thị Ngọc	Lan	SPH009100	1	23.25	0.5	23.75
1441	Tải Thị	Cám	DCN001071	1	20.25	3.5	23.75
1442	Lê Thị Ngọc	Anh	DCN000245	1	23.25	0.5	23.75
1443	Ma Khánh	Toàn	TQU005698	1	20.25	3.5	23.75
1444	Linh Văn	Phong	TND019536	1	20.25	3.5	23.75
1445	Lương Mạnh	Hưng	TND011547	1	20.25	3.5	23.75
1446	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1447	Hà Thị	Hương	KQH006604	1	20.25	3.5	23.75
1448	Lù Thị	Yến	TQU006622	1	20.25	3.5	23.75
1449	Hoàng Thùy	Linh	TND014211	1	20.25	3.5	23.75
1450	Bùi Thị	Mừng	HHA009361	1	22.25	1.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1451	Bùi Thị	Hằng	TND007224	1	22.25	1.5	23.75
1452	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1453	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1454	Trịnh Thị Hồng	Nhung	BKA010004	1	22.25	1.5	23.75
1455	Vũ Thị	Tư	YTB024658	1	22.75	1.0	23.75
1456	Nguyễn Thị Bích	Hiền	HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1457	Nguyễn Thị	Lê	HDT013477	1	22.75	1.0	23.75
1458	Phạm Thị	Dung	HDT004016	1	22.25	1.5	23.75
1459	Hoàng Thị	Huyền	TQU002426	1	20.25	3.5	23.75
1460	Trần Thị Kim	Oanh	THV010140	1	22.25	1.5	23.75
1461	Hoàng Hải	Yến	THV015567	1	20.25	3.5	23.75
1462	Trần Thị Thu	Trang	TLA014282	1	23.25	0.5	23.75
1463	Đình Lệ	Thu	BKA012478	1	23.75		23.75
1464	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1465	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1466	Nguyễn Ngọc	Lanh	HDT013319	1	22.75	1.0	23.75
1467	Phạm Thị	Thảo	THP013487	1	22.75	1.0	23.75
1468	Bàn Thị	Hiền	KQH004476	1	20.25	3.5	23.75
1469	Trần Thu	Hường	TND012266	1	22.75	1.0	23.75
1470	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1471	Lưu Thị Thu	Hằng	SPH005586	1	22.75	1.0	23.75
1472	Phạm Thị Như	Sao	YTB018568	1	22.75	1.0	23.75
1473	Đỗ Thu	Huyền	BKA005921	1	23.75		23.75
1474	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1475	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50
1476	Hoàng Thị Thanh	Lan	TQU002916	2	20.00	3.5	23.50
1477	Đình Thị	Huệ	LNH003865	2	23.00	0.5	23.50
1478	Vi Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1479	Nguyễn Minh	Tiến	KHA010077	2	22.50	1.0	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1480	Ngô Thị Ngọc	Anh	HDT000885	2	22.00	1.5	23.50
1481	Triệu Văn	Cao	TND002019	2	20.00	3.5	23.50
1482	Lê Thị Thúy	Hằng	YTB006968	2	22.50	1.0	23.50
1483	Nguyễn Thị	Nga	TND017365	2	22.00	1.5	23.50
1484	Trương Thị	Thực	HDT025413	2	22.50	1.0	23.50
1485	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	2	21.00	2.5	23.50
1486	Phạm Thị Thúy	Loan	DCN006713	2	22.50	1.0	23.50
1487	Nguyễn Thị Thu	Thủy	SPH016603	2	22.00	1.5	23.50
1488	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	TDV001819	2	22.00	1.5	23.50
1489	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50
1490	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50
1491	Nguyễn Thị	Oanh	TDV022997	2	22.50	1.0	23.50
1492	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1493	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1494	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1495	Lưu Thị Minh	Châu	THV001217	2	22.00	1.5	23.50
1496	Lê Thị	Thoa	HDT024151	2	22.50	1.0	23.50
1497	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1498	Nguyễn Thị	Yến	TND030071	2	20.00	3.5	23.50
1499	Trần Thị	Thúy	TDV030762	2	22.50	1.0	23.50
1500	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1501	Thào Thu	Phượng	THV010557	2	20.00	3.5	23.50
1502	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1503	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	2	22.50	1.0	23.50
1504	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1505	Nguyễn Thị	Hương	HDT012206	2	22.00	1.5	23.50
1506	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010153	2	22.50	1.0	23.50
1507	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1508	Hoàng Thị	Chiêm	TQU000469	1	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1509	Nguyễn Thị	Hiền	TND007913	1	22.00	1.5	23.50
1510	Dương Vũ Hồng	Nhung	SPH013028	1	23.00	0.5	23.50
1511	Hồ Thị Huyền	Trang	TDV032173	1	22.00	1.5	23.50
1512	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1513	Vũ Mạnh	Hùng	TQU002324	1	22.00	1.5	23.50
1514	Đàm Thị Thu	An	TND000010	1	20.00	3.5	23.50
1515	Nông Thị Thảo	My	TND016846	1	20.00	3.5	23.50
1516	Nguyễn Văn	Sơn	THV011504	1	22.00	1.5	23.50
1517	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50
1518	Lô Thị Thanh	Thủy	TDV030375	1	20.00	3.5	23.50
1519	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50
1520	Trần Hương	Ly	SPH010876	1	23.50		23.50
1521	Lê Thị	Hòa	HDT009438	1	22.00	1.5	23.50
1522	Phạm Quỳnh	Diệp	YTB003224	1	22.50	1.0	23.50
1523	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1524	Trần Thị Thu	Hồng	THV005210	1	22.00	1.5	23.50
1525	Quách Thị	Như	HDT019073	1	22.00	1.5	23.50
1526	Hà Thị	Huỳnh	TQU002531	1	20.00	3.5	23.50
1527	Hoàng Hải	Yến	TND029963	1	20.00	3.5	23.50
1528	Dương Thị	Liễu	TND013923	1	20.00	3.5	23.50
1529	Nguyễn Thị Kim	Oanh	TDV022958	1	22.50	1.0	23.50
1530	Lê Thị	Tuyên	TDV035203	1	22.50	1.0	23.50
1531	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1532	Nguyễn Mai	Phượng	DCN008873	1	22.00	1.5	23.50
1533	Trần Phương	Anh	TQU000224	1	22.00	1.5	23.50
1534	Hoàng Mùi	Nhật	TND018656	1	20.00	3.5	23.50
1535	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1536	Nguyễn Thị Thu	Hường	HHA007041	1	23.00	0.5	23.50
1537	Nguyễn Thị	Linh	HDT014462	1	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1538	Trương Thị Kim	Hồng	TQU002155	1	20.00	3.5	23.50
1539	Nguyễn Quang	Duẩn	KHA001631	1	22.50	1.0	23.50
1540	Trần Thị	Vy	KQH016406	1	23.00	0.5	23.50
1541	Quàng Thị	Tiến	TTB006589	1	20.00	3.5	23.50
1542	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	1	22.00	1.5	23.50
1543	Lê Thị	Hải	HDT007189	1	22.00	1.5	23.50
1544	Cao Thị Kim	Oanh	DHU016837	1	22.00	1.5	23.50
1545	Phan Thị	Hương	TDV014467	1	22.00	1.5	23.50
1546	Đinh Thị	Vũ	TTB007537	1	20.00	3.5	23.50
1547	Trần Thị	Thúy	TDV030763	1	22.00	1.5	23.50
1548	Dương Diệu	Oanh	TND019258	1	20.00	3.5	23.50
1549	Nguyễn Thị Trà	My	THV008835	1	22.00	1.5	23.50
1550	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1551	Nguyễn Thị	Dung	HVN001623	1	22.50	1.0	23.50
1552	Hoàng Thị	Tú	TND027468	1	20.00	3.5	23.50
1553	Nguyễn Thị	Thơ	THV012748	1	20.00	3.5	23.50
1554	Mông Thu	Thảo	THV012208	1	20.00	3.5	23.50
1555	Trần Thị	Hương	KHA004898	1	23.00	0.5	23.50
1556	Đặng Thị	Chinh	BKA001641	1	22.50	1.0	23.50
1557	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	1	23.00	0.5	23.50
1558	Hoàng Thị Ngọc	Như	TND019084	1	20.00	3.5	23.50
1559	Lường Thùy	Dung	KHA001664	1	20.00	3.5	23.50
1560	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	1	22.00	1.5	23.50
1561	Phạm Thị	Tuyết	BKA014658	1	22.50	1.0	23.50
1562	Đỗ Ngọc	Lan	KHA005292	1	23.00	0.5	23.50
1563	Dương Thị	Hiền	HHA004534	1	23.00	0.5	23.50
1564	Lương Thị	Huệ	TND010214	1	20.00	3.5	23.50
1565	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1566	Thế Thị Thu	Thảo	SPH015809	1	23.00	0.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1567	Triệu Thị Tuyết	Nga	THV009192	1	20.00	3.5	23.50
1568	Đặng Thị	Thương	TDV030936	1	23.00	0.5	23.50
1569	Nguyễn Thành	Lâm	THV007039	1	22.00	1.5	23.50
1570	Nguyễn Thị	Thương	HDT025557	1	22.50	1.0	23.50
1571	Lê Thị	Duyên	HDT004608	1	22.50	1.0	23.50
1572	Lê Ngọc	Diễm	SPH002922	1	23.50		23.50
1573	Nguyễn Thái	Linh	HHA008157	1	23.00	0.5	23.50
1574	Phạm Minh	Phượng	TQU004362	1	22.00	1.5	23.50
1575	Phạm Thị Diệu	Linh	HDT014721	1	22.00	1.5	23.50
1576	Nguyễn Thị	Trà	THP014966	1	22.50	1.0	23.50
1577	Trần Thị Hà	Trang	YTB023098	1	23.00	0.5	23.50
1578	Phạm Thị Ngọc	Nhung	TLA010569	1	23.50		23.50
1579	Nguyễn Thị	Trang	TTB006806	1	22.00	1.5	23.50
1580	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1581	Đinh Thị	Thu	TDV029780	2	22.25	1.0	23.25
1582	Hoàng Thị	Trang	DCN011689	2	22.25	1.0	23.25
1583	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011315	2	21.75	1.5	23.25
1584	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1585	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1586	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	2	22.25	1.0	23.25
1587	Cao Thị	Thơm	THP013977	2	22.25	1.0	23.25
1588	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	2	22.25	1.0	23.25
1589	Kiều Thị Thu	Thảo	LNH008473	2	21.75	1.5	23.25
1590	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1591	Vi Thị Linh	Đan	HDT005108	2	19.75	3.5	23.25
1592	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1593	Trần Thị	Hoa	TDV010974	2	22.25	1.0	23.25
1594	Hoàng Thị Thảo	Hương	TND011772	2	19.75	3.5	23.25
1595	Nguyễn Thị Minh	Hằng	THV004063	2	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1596	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25
1597	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1598	Lò Thị	Thanh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25
1599	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1600	Nguyễn Hoàng Mỹ	Linh	THP008322	2	22.25	1.0	23.25
1601	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1602	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1603	Bùi Thị	Lê	LNH005057	2	19.75	3.5	23.25
1604	Đỗ Phương	Thảo	KQH012524	2	22.75	0.5	23.25
1605	Nguyễn Thị Thùy	Trang	THP015230	2	22.75	0.5	23.25
1606	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1607	Vương Thị	Yến	YTB025924	2	22.25	1.0	23.25
1608	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1609	Lê Hữu	Thanh	HDT022554	2	22.75	0.5	23.25
1610	Cao Thị	Trang	HHA014409	2	22.75	0.5	23.25
1611	Triệu Thị	Chuyên	TND002746	2	19.75	3.5	23.25
1612	Trịnh Tiến	Cường	TLA002331	2	20.25	3.0	23.25
1613	Ngô Thị Thanh	Huyền	HVN004623	2	22.75	0.5	23.25
1614	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	LNH007762	2	22.75	0.5	23.25
1615	Nguyễn Thị	Hằng	HDT007990	1	21.75	1.5	23.25
1616	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1617	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25
1618	Đào Thị Phương	Thảo	THV012115	1	21.75	1.5	23.25
1619	Nguyễn Thị	Mai	TQU003520	1	21.75	1.5	23.25
1620	Lê Thị Thúy	Hồng	TLA005703	1	22.25	1.0	23.25
1621	Hà Thị Diệu	Mai	TND015908	1	19.75	3.5	23.25
1622	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25
1623	Phạm Hồng	Cường	TND003264	1	22.25	1.0	23.25
1624	Nguyễn Thị	Châm	HDT002396	1	22.25	1.0	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1625	Ngô Tất	Đạt	SPH003876	1	23.25		23.25
1626	Bùi Trọng	Hưng	KQH006444	1	22.75	0.5	23.25
1627	Trần Trọng	Thông	LNH008947	1	22.75	0.5	23.25
1628	Nguyễn Mạnh	Chí	SPH002467	1	22.25	1.0	23.25
1629	Phùng Thị	Hà	HDT006951	1	22.25	1.0	23.25
1630	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1631	Chêo Mỹ	Lai	THV006844	1	19.75	3.5	23.25
1632	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	1	21.75	1.5	23.25
1633	La Anh	Thư	TQU005539	1	19.75	3.5	23.25
1634	Đỗ Thị	Hằng	THV003987	1	21.75	1.5	23.25
1635	Trần Quang	Huy	TQU002382	1	21.75	1.5	23.25
1636	Phạm Thị Hải	Yến	KHA011917	1	22.75	0.5	23.25
1637	Bùi Thị	Phượng	LNH007435	1	19.75	3.5	23.25
1638	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1639	Chu Thị Hồng	Hoa	DCN004039	1	22.75	0.5	23.25
1640	Đoàn Thị	Nhiên	TQU004073	1	19.75	3.5	23.25
1641	Lê Thị	Thủy	HDT024923	1	22.25	1.0	23.25
1642	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1643	Lê Thị	Hương	HDT012082	1	22.25	1.0	23.25
1644	Phạm Thị Minh	Loan	TND015033	1	21.75	1.5	23.25
1645	Nguyễn Thanh	Xuân	TQU006573	1	21.75	1.5	23.25
1646	Trần Phước	Nhật	TDV022090	1	22.75	0.5	23.25
1647	Đặng Minh	Khôi	BKA006829	1	22.25	1.0	23.25
1648	Phùng Thị	Hồng	DCN004460	1	22.75	0.5	23.25
1649	Trần Thị	Ngọc	LNH006735	1	21.75	1.5	23.25
1650	Nguyễn Ngọc	Lâm	THP007920	1	22.75	0.5	23.25
1651	Vĩ Văn	Son	THV011363	1	19.75	3.5	23.25
1652	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1653	Nguyễn Thị Phương	Hằng	HVN003211	1	22.75	0.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1654	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1655	Đào Thị	Bích	HDT002076	1	22.25	1.0	23.25
1656	Lê Thị Nhật	Lệ	TTB003409	1	21.75	1.5	23.25
1657	Nguyễn Thùy	Trang	HDT026998	1	22.25	1.0	23.25
1658	Trần Thị Vân	Anh	DCN000698	1	22.25	1.0	23.25
1659	Vương Xuân	Hiếu	THV004678	1	21.75	1.5	23.25
1660	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25
1661	Trần Thị	Quỳnh	KQH011676	1	22.25	1.0	23.25
1662	Đào Thị	Ngọc	YTB015604	1	22.25	1.0	23.25
1663	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1664	Phạm Thị Tường	Loan	TND015035	1	21.75	1.5	23.25
1665	Nguyễn Thanh	Hoa	LNH003452	1	22.75	0.5	23.25
1666	Trần Thị Thu	Hằng	YTB007166	1	22.25	1.0	23.25
1667	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1668	Phùng Thị	Hòa	THV004864	1	21.75	1.5	23.25
1669	Dương Thu	Phượng	THV010367	1	19.75	3.5	23.25
1670	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1671	Phan Thị	Tĩnh	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1672	Nguyễn Thị Yến	Hoa	TND008815	1	21.75	1.5	23.25
1673	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1674	Lê Thị Hồng	Nhung	BAK009914	1	22.25	1.0	23.25
1675	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25
1676	Lâm Thị	Quyên	TND020773	1	19.75	3.5	23.25
1677	Quách Văn	Long	TQU003359	1	19.75	3.5	23.25
1678	Hứa Phương	Thảo	HDT023104	1	21.75	1.5	23.25
1679	Bùi Thị	Giang	TND005767	1	21.75	1.5	23.25
1680	Hoàng Thị Kim	Ngân	HDT017629	1	22.25	1.0	23.25
1681	Phạm Hồng	Công	TND002893	1	19.75	3.5	23.25
1682	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1683	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	2	22.00	1.0	23.00
1684	Thiều Thị Thanh	Hương	THV006309	2	21.50	1.5	23.00
1685	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1686	Nông Thị Mỹ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1687	Nguyễn Thị Thu	Hoài	TND009167	2	20.50	2.5	23.00
1688	Lương Thị	Thảo	HDT023229	2	21.50	1.5	23.00
1689	Nguyễn Kim	Anh	LNH000322	2	21.50	1.5	23.00
1690	Vũ Thị	ánh	TND001455	2	21.50	1.5	23.00
1691	Lê Thị	Nhung	HDT018763	2	22.00	1.0	23.00
1692	Lưu Thị	Minh	TDV019270	2	22.00	1.0	23.00
1693	Nguyễn Thị	ánh	TLA001446	2	22.00	1.0	23.00
1694	Nguyễn Tiến	Phương	THV010529	2	21.50	1.5	23.00
1695	Nguyễn Văn	Anh	NLS000294	2	21.50	1.5	23.00
1696	Bạc Thị	Hằng	TTB001986	2	19.50	3.5	23.00
1697	Đào Thúy	Quỳnh	THV011038	2	21.50	1.5	23.00
1698	Nguyễn Huyền	Nhung	TND018921	2	22.50	0.5	23.00
1699	Lê Thị	Hiền	HDT008425	2	21.50	1.5	23.00
1700	Lê Thu	Hồng	HDT010100	2	22.50	0.5	23.00
1701	Liễu Thanh	Huyền	TND011126	2	19.50	3.5	23.00
1702	Trần Hoài	Giang	THV003357	2	21.50	1.5	23.00
1703	Đậu Trọng	Hoài	DHU007195	2	22.50	0.5	23.00
1704	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1705	Đào Hải	Quỳnh	DCN009409	2	21.50	1.5	23.00
1706	Nguyễn Thị	Hoài	TQU002003	2	21.50	1.5	23.00
1707	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1708	Phan Diệu	Anh	TTB000226	2	21.50	1.5	23.00
1709	Đào Thị	Thu	HVN010083	2	22.00	1.0	23.00
1710	Nguyễn Thị Linh	Trang	THP015178	1	22.50	0.5	23.00
1711	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 60

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1712	Hoàng Thị Thu	Trang	HDT026375	1	22.00	1.0	23.00
1713	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	1	22.00	1.0	23.00
1714	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	DCN009460	1	22.50	0.5	23.00
1715	Nguyễn Hồng	Nhung	TLA010528	1	23.00		23.00
1716	Nguyễn Thị	Hoài	TDV011379	1	22.00	1.0	23.00
1717	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1718	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	1	21.50	1.5	23.00
1719	Bùi Thị	Phượng	HDT019623	1	22.00	1.0	23.00
1720	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1721	Trần Thị	Ngọc	HDT018152	1	22.50	0.5	23.00
1722	Bế Thị	Hằng	TND007222	1	19.50	3.5	23.00
1723	Trần Đức	Việt	YTB025177	1	22.00	1.0	23.00
1724	Nguyễn Thị	Thanh	YTB019327	1	22.00	1.0	23.00
1725	Nguyễn Nam	Huyền	KQH006033	1	22.00	1.0	23.00
1726	Bùi Thị Thanh	Thơm	TLA013102	1	22.00	1.0	23.00
1727	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012554	1	21.50	1.5	23.00
1728	Nguyễn Đỗ Ngọc	Mai	HHA008901	1	21.50	1.5	23.00
1729	Trương Mỹ	Linh	TTB003601	1	21.50	1.5	23.00
1730	Đinh Thị	Vường	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1731	Nguyễn Thị Thu	Hòa	THP005478	1	22.50	0.5	23.00
1732	Đặng Thị	Mai	KHA006389	1	22.00	1.0	23.00
1733	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1734	Tần Mỹ	Chài	THV001149	1	19.50	3.5	23.00
1735	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	1	21.50	1.5	23.00
1736	Vũ Thị	Chinh	HDT002787	1	21.50	1.5	23.00
1737	Nguyễn Thị	Hiệp	HVN003588	1	22.00	1.0	23.00
1738	Đỗ Lan	Phượng	TQU004294	1	21.50	1.5	23.00
1739	Trần Thị Hải	Hà	TDV008055	1	21.50	1.5	23.00
1740	Nguyễn Thị	Ngọc	HDT018057	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1741	Nguyễn Mạnh	Cường	SPH002829	1	22.00	1.0	23.00
1742	Lê Văn	Hiếu	TTB002228	1	21.50	1.5	23.00
1743	Nguyễn Văn	Thành	TLA012377	1	22.50	0.5	23.00
1744	Nguyễn Bá	Nam	DCN007646	1	22.50	0.5	23.00
1745	Lộc Thị	Thắm	TND023435	1	19.50	3.5	23.00
1746	Nguyễn Minh	Hạnh	TND006977	1	19.50	3.5	23.00
1747	Phùng Thị	Ngọc	HDT018130	1	22.50	0.5	23.00
1748	Phùng Văn	Tùng	TQU006243	1	19.50	3.5	23.00
1749	Nguyễn Tuấn	Thành	TND022677	1	19.50	3.5	23.00
1750	Cà Thị	Oanh	TTB004675	1	19.50	3.5	23.00
1751	Nguyễn Thị	Xuân	DCN013330	1	19.50	3.5	23.00
1752	Nguyễn Thu	Huyền	THV005896	1	19.50	3.5	23.00
1753	Trần Tiểu	Linh	DCN006620	1	22.50	0.5	23.00
1754	Nguyễn Thị	Tuệ	TDV035079	1	21.50	1.5	23.00
1755	Nguyễn Văn	Dũng	TND004026	1	22.00	1.0	23.00
1756	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00
1757	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1758	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	1	19.50	3.5	23.00
1759	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1760	Nguyễn Thị Thảo	Huyền	BKA006052	1	22.00	1.0	23.00
1761	Doãn Thị Hồng	Nhung	TTB004566	1	21.50	1.5	23.00
1762	Hà Ngọc Huyền	Linh	DCN006249	1	22.50	0.5	23.00
1763	Phạm Thị Thanh	Hòa	SPH006664	1	22.00	1.0	23.00
1764	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1765	Lê Ngọc	Anh	HDT000555	1	21.50	1.5	23.00
1766	Cao Thị	Anh	TDV000292	1	21.00	2.0	23.00
1767	Chu Thị Kiều	Anh	TQU000019	1	19.50	3.5	23.00
1768	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	1	19.50	3.5	23.00
1769	Nông Thị	Lưu	TND015591	1	19.50	3.5	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1770	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1771	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1772	Lâu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00
1773	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00
1774	Nguyễn Tiến	Ngọc	TLA010186	1	22.50	0.5	23.00
1775	Lý Văn	Đông	HDT005658	1	22.00	1.0	23.00
1776	Vũ Hồng	Ngọc	THV009610	1	21.50	1.5	23.00
1777	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1778	Hoàng Phương	Mai	TDV018614	1	22.50	0.5	23.00
1779	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1780	Phạm Thị Thu	Trang	YTB023039	2	21.75	1.0	22.75
1781	Phạm Hoàng	Lộc	DCN006859	2	21.75	1.0	22.75
1782	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1783	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1784	Nguyễn Thị Kim	Oanh	HHA010791	2	22.25	0.5	22.75
1785	Lê Thị	Loan	HDT015080	2	21.25	1.5	22.75
1786	Nguyễn Thanh	An	HDT000084	2	21.25	1.5	22.75
1787	Lâm Thị ánh	Phương	SPH013630	2	19.25	3.5	22.75
1788	Nông Thị	Hường	TND012222	2	19.25	3.5	22.75
1789	Phạm Thị Thuỷ	Chung	HHA001747	2	22.25	0.5	22.75
1790	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1791	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1792	Bàn Trung	Thành	TTB005713	2	19.25	3.5	22.75
1793	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	2	21.25	1.5	22.75
1794	Tạ Thị	Diệu	YTB003276	2	21.75	1.0	22.75
1795	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1796	Đinh Thị Hồng	Nhung	LNH006942	1	19.25	3.5	22.75
1797	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1798	Lương Thị Ngọc	Bích	HHA001293	1	21.75	1.0	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1799	Phạm Thị Tú	Nam	HDT017180	1	22.25	0.5	22.75
1800	Đậu Thị Thu	Hiền	TDV009730	1	21.75	1.0	22.75
1801	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1802	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1803	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75
1804	Ma Thị	Hằng	TND007339	1	19.25	3.5	22.75
1805	Trần Thị Phương	Thúy	TDV030753	1	22.25	0.5	22.75
1806	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1807	Tần Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1808	Phan Thị	Lan	TDV015671	1	21.25	1.5	22.75
1809	Nguyễn Văn	Quốc	KHA008302	1	21.75	1.0	22.75
1810	Doãn Thị Lâm	Phượng	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1811	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1812	Phạm Thị Thanh	Xuân	YTB025550	1	21.75	1.0	22.75
1813	Phạm Thị	Nga	HDT017511	1	19.25	3.5	22.75
1814	Lê Thị	Nụ	HDT019138	1	21.75	1.0	22.75
1815	Phạm Như	Quỳnh	YTB018403	1	22.25	0.5	22.75
1816	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75
1817	Nguyễn Thị	Hảo	TND007179	1	19.25	3.5	22.75
1818	Công Văn	Hoan	TND009228	1	19.25	3.5	22.75
1819	Chu Thị	Phượng	TND020152	1	21.75	1.0	22.75
1820	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1821	Vũ Thanh	Huyền	TQU002524	1	21.25	1.5	22.75
1822	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75
1823	Dương Thị	Huệ	THP005994	1	21.75	1.0	22.75
1824	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	1	21.25	1.5	22.75
1825	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1826	Nguyễn Thị	ánh	TQU000284	1	21.25	1.5	22.75
1827	Lê Thị	Thảo	HDT023209	1	21.25	1.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1828	Nguyễn Trung	Cương	TND003039	1	22.25	0.5	22.75
1829	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	THP001270	1	22.25	0.5	22.75
1830	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	LNH010519	1	22.25	0.5	22.75
1831	Phạm Thị Bích	Hạnh	THP004320	1	22.25	0.5	22.75
1832	Lê Thị	Bích	THP001260	1	22.25	0.5	22.75
1833	Cao Thị Ly	Ly	DHU012424	1	21.75	1.0	22.75
1834	Nguyễn Thị	Hường	HDT012498	1	22.25	0.5	22.75
1835	Nguyễn Minh	Thảo	SPH015664	1	22.75		22.75
1836	Hà Hải	Yến	LNH010962	1	19.25	3.5	22.75
1837	Bùi Thị Hồng	Nhung	TND018759	1	21.25	1.5	22.75
1838	Quách Hồng	Lĩnh	HDT015024	1	21.75	1.0	22.75
1839	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1840	Nguyễn Thành	Long	TLA008521	1	21.75	1.0	22.75
1841	Nguyễn Đức	Dung	THV002071	1	22.25	0.5	22.75
1842	Nguyễn Duy	Hiển	TDV010187	1	21.75	1.0	22.75
1843	Hoàng Thị Diệu	Linh	TDV016447	1	21.75	1.0	22.75
1844	Trần Thị Ngân	Hà	KHA002878	1	21.75	1.0	22.75
1845	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	2	19.00	3.5	22.50
1846	Hà Mỹ	Linh	TQU003095	2	21.00	1.5	22.50
1847	Nguyễn Thị Linh	Đan	TDV005791	2	21.00	1.5	22.50
1848	Trần Quang	Anh	TDV001443	2	21.00	1.5	22.50
1849	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1850	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	TDV034332	2	22.00	0.5	22.50
1851	Nguyễn Thanh	Hằng	TLA004637	2	22.00	0.5	22.50
1852	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1853	Phạm Đình	Phong	HDT019451	2	21.00	1.5	22.50
1854	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1855	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	2	21.00	1.5	22.50
1856	Nguyễn Thị Vân	ánh	DHU001017	2	22.00	0.5	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 65

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1857	Ngô Thị	Hoa	TDV010816	2	21.50	1.0	22.50
1858	Nguyễn Trung	Hiếu	TTB002253	1	21.00	1.5	22.50
1859	Tô Thị	Anh	TND001048	1	19.00	3.5	22.50
1860	Ma Thị Hồng	Nhung	TND018890	1	19.00	3.5	22.50
1861	Đào Đức	Thanh	TTB005647	1	21.00	1.5	22.50
1862	Hà Thị Hồng	Hạnh	TQU001532	1	19.00	3.5	22.50
1863	Nguyễn Minh	Thùy	LNH009126	1	19.00	3.5	22.50
1864	Nguyễn Đức	Trung	TND027154	1	22.00	0.5	22.50
1865	Phạm Xuân	Tiến	SPH017062	1	22.50		22.50
1866	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1867	Tạ Trần Tâm	Trang	KQH014740	1	22.00	0.5	22.50
1868	Nguyễn Thị	Miễn	YTB014371	1	21.50	1.0	22.50
1869	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1870	Phạm Bằng	Trung	THP015707	1	21.50	1.0	22.50
1871	Lê Thị	Hoài	YTB008498	1	21.50	1.0	22.50
1872	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	1	21.00	1.5	22.50
1873	Nguyễn Thị Phương	Thúy	TDV030651	1	21.00	1.5	22.50
1874	Nguyễn Thanh	Hiền	HHA004637	1	22.00	0.5	22.50
1875	Đàm Ngọc	Linh	DCN006219	1	22.00	0.5	22.50
1876	Vương Thị Mai	Hương	DCN005465	1	22.00	0.5	22.50
1877	Đặng Thị	Lan	TND013234	1	19.00	3.5	22.50
1878	Nông Cao	Định	TTN003809	1	19.00	3.5	22.50
1879	Võ Thị Hồng	Thắm	TDV028661	1	21.00	1.5	22.50
1880	Lò Thị Mỹ	Uyên	TTB007358	1	19.00	3.5	22.50
1881	Lương Thị	Thủy	HHA013760	1	22.00	0.5	22.50
1882	Dư Thanh Hoàng	Tuấn	HDT028086	1	22.00	0.5	22.50
1883	Nguyễn Thu	Hà	SPH004954	1	21.50	1.0	22.50
1884	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1885	Nguyễn Thị Huyền	Trang	HDT026759	1	22.00	0.5	22.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1886	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1887	Vũ Thị Ngọc	ánh	KHA000862	1	21.50	1.0	22.50
1888	Cao Văn	Tuấn	TDV034533	1	21.00	1.5	22.50
1889	Nguyễn Thị	Tâm	TQU004873	1	21.00	1.5	22.50
1890	Điền Thị Thu	Thủy	HDT024874	1	21.00	1.5	22.50
1891	Nguyễn Thị Kim	Ly	DCN007036	1	21.00	1.5	22.50
1892	Đặng Quỳnh	Anh	SPH000310	1	22.50		22.50
1893	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1894	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1895	Nguyễn Thị Hà	Thanh	TDV027465	1	22.00	0.5	22.50
1896	Lê Thị Thanh	Nhàn	KHA007437	1	22.00	0.5	22.50
1897	Lê Bình	Sơn	DCN009667	1	22.00	0.5	22.50
1898	Nguyễn Thị Khánh	Ngân	SPH012300	1	22.00	0.5	22.50
1899	Trịnh Hà	Mi	HDT016427	2	21.25	1.0	22.25
1900	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1901	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1902	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	2	21.25	1.0	22.25
1903	Nguyễn Phương	Ngân	DCN007939	2	21.75	0.5	22.25
1904	Hàn Công	Thành	HDT022714	1	21.25	1.0	22.25
1905	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25
1906	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1907	Nguyễn Mỹ	Linh	HVN005907	1	21.75	0.5	22.25
1908	Bùi Ngọc Hùng	Đức	TDV006510	1	21.25	1.0	22.25
1909	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HHA010122	1	20.75	1.5	22.25
1910	Nguyễn Quang	Anh	TLA000763	1	22.25		22.25
1911	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	1	21.25	1.0	22.25
1912	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1913	Lê Huy	Chung	TND002667	1	20.75	1.5	22.25
1914	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1915	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010119	1	21.25	1.0	22.25
1916	Vũ Thị	Phượng	TND020139	1	20.75	1.5	22.25
1917	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25
1918	Bùi Thị Huyền	Trang	HDT026169	1	21.25	1.0	22.25
1919	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1920	Nguyễn Thị	Tươi	KQH015892	1	21.25	1.0	22.25
1921	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1922	Trương Xuân	Dương	HDT005021	1	20.75	1.5	22.25
1923	Chu Thị	Hồng	KQH005501	1	21.25	1.0	22.25
1924	Trần Thị Hương	Ly	TQU003487	1	20.75	1.5	22.25
1925	Lương Văn	Trung	YTB023499	1	21.25	1.0	22.25
1926	Lê Thị	Bình	TDV002490	1	20.75	1.5	22.25
1927	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1928	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1929	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1930	Bạch Linh	Chiều	LNH001057	1	18.75	3.5	22.25
1931	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
1932	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25
1933	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
1934	Lương Ngọc	Anh	TND000513	1	18.75	3.5	22.25
1935	Đoàn Thị Hoài	Thương	TDV030943	1	21.75	0.5	22.25
1936	Nguyễn Long	Phúc	KQH010747	1	21.75	0.5	22.25
1937	Nguyễn Thị Hồng	Loan	KQH008188	1	21.75	0.5	22.25
1938	Dương Văn	Bảo	TND001530	1	21.75	0.5	22.25
1939	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1940	Nguyễn Hải	Quyên	TQU004550	1	20.75	1.5	22.25
1941	Đình Thúy	Huyền	LNH004182	1	20.75	1.5	22.25
1942	Bùi Thị	Lụa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1943	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1944	Nguyễn Khánh	Ly	TND015702	1	20.75	1.5	22.25
1945	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25
1946	Lại Phương	Mai	HDT016031	1	20.75	1.5	22.25
1947	Hoàng Thị Hương	Giang	TND005831	1	18.75	3.5	22.25
1948	Lã Thị	Nam	HHA009515	1	20.75	1.5	22.25
1949	Diệp Tiên	Nữ	HHA010750	1	18.75	3.5	22.25
1950	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1951	Nguyễn Thanh	Tùng	TND028287	1	21.75	0.5	22.25
1952	Hồ Thị	Phượng	TDV024242	1	21.25	1.0	22.25
1953	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
1954	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
1955	Phó Văn	Trần	SPH017934	2	18.50	3.5	22.00
1956	Dương Thị Thu	Hương	THV006114	2	20.50	1.5	22.00
1957	Ngô Thủy	Vy	HHA016421	2	22.00		22.00
1958	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
1959	Bùi Thị	Nhung	HDT018633	2	20.50	1.5	22.00
1960	Nguyễn Tiến	Linh	TDV017030	2	20.50	1.5	22.00
1961	Cao Thị	Phượng	DCN009008	2	21.00	1.0	22.00
1962	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00
1963	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
1964	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
1965	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
1966	Nguyễn Thị	Nhấn	TTB004514	1	18.50	3.5	22.00
1967	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1968	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
1969	Nông Văn	Hà	TND006411	1	18.50	3.5	22.00
1970	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00
1971	Ngô Thị Thu	Uyên	KQH015952	1	21.50	0.5	22.00
1972	Hoàng Khánh	Linh	HVN005827	1	21.50	0.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1973	Lê Thị	Loan	LNH005546	1	21.50	0.5	22.00
1974	Bùi Thị	Lệ	LNH005067	1	18.50	3.5	22.00
1975	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00
1976	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	1	20.50	1.5	22.00
1977	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
1978	Đào Thị Minh	Anh	TTB000065	1	20.50	1.5	22.00
1979	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	THV009156	1	20.50	1.5	22.00
1980	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
1981	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
1982	Hoàng Thị	Hiền	THV004279	1	18.50	3.5	22.00
1983	Nguyễn Thị Kiều	Trang	TTB006792	1	20.50	1.5	22.00
1984	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
1985	Đình Công	Anh	TND000231	1	18.50	3.5	22.00
1986	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001202	1	21.00	1.0	22.00
1987	Lê Ngọc	Mai	THV008390	1	20.50	1.5	22.00
1988	Bùi Phi	Long	HVN006220	1	21.00	1.0	22.00
1989	Lương Võ	Khánh	TND012565	1	18.50	3.5	22.00
1990	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00
1991	Lê Thị Trà	Mi	HDT016421	1	20.50	1.5	22.00
1992	Lê Ngọc	Trinh	LNH009977	1	20.50	1.5	22.00
1993	Hoàng Thị Hải	Yến	SPH019797	1	21.50	0.5	22.00
1994	Hoàng Thị Hà	Trang	THV013710	1	18.50	3.5	22.00
1995	Trương Thị Thúy	An	YTB000084	1	21.50	0.5	22.00
1996	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
1997	Nguyễn Văn	Biên	HVN000954	1	21.00	1.0	22.00
1998	Mã Thị	Huyền	TND010945	1	18.50	3.5	22.00
1999	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
2000	Vũ Thị	Ly	SPH010893	1	20.50	1.5	22.00
2001	Vi Thị Thanh	Lan	HHA007549	1	20.50	1.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2002	Đào Thị Hà	My	TQU003657	1	20.50	1.5	22.00
2003	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
2004	Đào Thị	Huyền	LNH004171	1	21.50	0.5	22.00
2005	Đặng Thị	Mùi	TDV019532	2	20.25	1.5	21.75
2006	Trần Thị Thu	Uyên	TQU006376	2	20.25	1.5	21.75
2007	Nguyễn Công	Quý	THP012121	1	20.75	1.0	21.75
2008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	TDV016973	1	20.25	1.5	21.75
2009	Nguyễn Thị Thuỳ	Dương	TDV005593	1	21.25	0.5	21.75
2010	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
2011	Đào Thị Phương	Anh	THP000204	1	21.25	0.5	21.75
2012	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	TDV030386	1	21.25	0.5	21.75
2013	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
2014	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75
2015	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
2016	Lê Thu	Hiền	THV004297	1	20.25	1.5	21.75
2017	Quách Thị Thu	Huyền	KQH006348	1	21.25	0.5	21.75
2018	Võ Thị	Trang	HDT027261	1	20.75	1.0	21.75
2019	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
2020	Hoàng Thị	Tâm	TND022051	1	18.25	3.5	21.75
2021	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
2022	Phan Thị	Phương	TND020040	1	20.25	1.5	21.75
2023	Phạm Viết	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
2024	Đặng Hải	Yến	TQU006604	1	20.25	1.5	21.75
2025	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75
2026	Đinh Minh	Phương	KHA007905	1	20.75	1.0	21.75
2027	Nông Sầm Thị	Hạnh	TND007025	1	18.25	3.5	21.75
2028	Lô Kiều	Ngân	TND017565	1	18.25	3.5	21.75
2029	Trần Thị Quỳnh	Hoa	YTB008328	1	20.75	1.0	21.75
2030	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2031	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
2032	Mào Thị	Duyên	TTB001293	2	18.00	3.5	21.50
2033	Lê Nguyễn Phương	Nhung	TDV022345	2	20.00	1.5	21.50
2034	Đàm Văn	Minh	TQU003599	2	20.00	1.5	21.50
2035	Đào Bích	Ngọc	THV009420	2	18.00	3.5	21.50
2036	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50
2037	Nguyễn Lê Trung	Anh	TTB000172	2	20.00	1.5	21.50
2038	Lý Thị	Quỳnh	THV011098	1	18.00	3.5	21.50
2039	Hoàng Thị	Tuyển	TND028517	1	18.00	3.5	21.50
2040	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
2041	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
2042	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
2043	Trần Thị	Nhâm	HDT018444	1	20.00	1.5	21.50
2044	Lê Thị Khánh	Linh	TTB003485	1	20.00	1.5	21.50
2045	Lương Thị Ngân	Hồng	SPH007009	1	21.50		21.50
2046	Đinh Thị Thanh	Ngân	LNH006495	1	21.00	0.5	21.50
2047	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	1.5	21.50
2048	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
2049	Lường Thị	Linh	TND014288	1	18.00	3.5	21.50
2050	Nguyễn Thị	Ngọc	HVN007495	1	20.50	1.0	21.50
2051	Phạm Thị	Diện	HDT003593	1	20.50	1.0	21.50
2052	Nguyễn Thị Kim	Dung	DCN001735	1	20.50	1.0	21.50
2053	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
2054	Đặng Thị Hải	Yến	LNH010959	1	21.00	0.5	21.50
2055	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
2056	Nguyễn Thúy	Nga	HHA009760	1	20.00	1.5	21.50
2057	Nguyễn Viết	Dũng	THV002252	1	20.00	1.5	21.50
2058	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
2059	Phạm Thị	Ngọc	TTB004405	1	18.00	3.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2060	Vũ Thị Phương	Dung	TTB001183	1	20.00	1.5	21.50
2061	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
2062	Lê Thị	Hoa	LNH003416	1	21.00	0.5	21.50
2063	Nguyễn Thùy	Linh	YTB012896	1	21.00	0.5	21.50
2064	Nguyễn Khắc	Toàn	HDT025991	2	20.25	1.0	21.25
2065	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
2066	Hoàng Văn	Hữu	TND012348	2	17.75	3.5	21.25
2067	Đinh Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
2068	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25
2069	Lê Thị Ngọc	ánh	TTN000767	2	19.75	1.5	21.25
2070	Tòng Thị	Thanh	TTB005701	2	17.75	3.5	21.25
2071	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25
2072	Nông Quang	Đạo	TND004831	1	17.75	3.5	21.25
2073	Hà Kiều	Ngân	TND017539	1	17.75	3.5	21.25
2074	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
2075	Đỗ Phương	Linh	HDT013811	1	19.75	1.5	21.25
2076	Lê Quang	Dụng	YTB003879	1	20.25	1.0	21.25
2077	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
2078	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
2079	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	1	19.75	1.5	21.25
2080	Lê Thủy	Tiên	HDT025666	1	20.25	1.0	21.25
2081	Hoàng Khánh	Lâm	TQU002959	1	17.75	3.5	21.25
2082	Nguyễn Tiến	Hưng	HVN004871	1	20.75	0.5	21.25
2083	Ngô Châu	Giang	TQU001311	2	19.50	1.5	21.00
2084	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
2085	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
2086	Lê Mạnh	Tuấn	THV014537	1	20.00	1.0	21.00
2087	Nguyễn Thị Thuý	Vân	YTB024988	1	20.00	1.0	21.00
2088	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2089	Nguyễn Văn	Tâm	TLA012075	1	20.00	1.0	21.00
2090	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	HDT013556	1	20.00	1.0	21.00
2091	Trịnh Minh	Nghĩa	THV009363	1	17.50	3.5	21.00
2092	Đào Thị Thu	Thủy	SPH016538	1	20.00	1.0	21.00
2093	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
2094	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00
2095	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
2096	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75
2097	Lý Thị Ngọc	ánh	TQU000274	2	19.25	1.5	20.75
2098	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
2099	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
2100	Tô Thị	Hoa	HDT009330	1	19.75	1.0	20.75
2101	Nguyễn Yến	Nhi	HHA010474	1	20.25	0.5	20.75
2102	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
2103	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
2104	Vương Thị	Hiên	TND007729	1	17.25	3.5	20.75
2105	Hoàng Thúy	Quỳnh	TDV025377	2	19.50	1.0	20.50
2106	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
2107	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	1	20.00	0.5	20.50
2108	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	TDV032608	1	19.00	1.5	20.50
2109	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
2110	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
2111	Hoàng Thế	Ngọc	HHA010066	1	20.00	0.5	20.50
2112	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
2113	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
2114	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	HDT011559	1	19.75	0.5	20.25
2115	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
2116	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00
2117	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2118	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
2119	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75
2120	Võ Thị Mai	Oanh	TDV023168	1	18.75	1.0	19.75
2121	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
2122	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50
2123	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50
2124	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
2125	Nguyễn Hải	Hà	DCN002868	2	18.50	0.5	19.00
2126	Đỗ Thị Hương	Trang	KQH014364	1	18.50	0.5	19.00
2127	Đinh Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
2128	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
2129	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
2130	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
2131	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
2132	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
2133	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50
2134	Nguyễn Thị Bích	Phương	THV010491	1	17.00	1.5	18.50
2135	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50
2136	Nguyễn Văn	Hoàng	KHA004037	1	17.75	0.5	18.25
2137	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
2138	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
2139	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
2140	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00
2141	Hoàng Minh	Anh	YTB000411	1	16.75	1.0	17.75
2142	Nguyễn Viết	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50
2143	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	1	16.75	0.5	17.25
2144	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
2145	Hoàng Thị	Luyến	THV008150	1	15.25	1.5	16.75
2146	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 09/08/2015

Trang 75

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
2147	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
2148	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00
2149	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00
2150	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU